UỶ BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG **CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 05 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO MỜI HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Kính gửi:Ông /Bà.....

- Số ĐKSH:.....; Ngày cấp:.....

- Địa chỉ:.....

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng (Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; Mã số doanh nghiệp: 0200171274) trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Thời gian: Từ 07h30 Thứ ba, ngày 26/4/2022.

Địa điểm: Hội trường tầng 6 Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng, Số 54 Đinh Tiên Hoàng, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Đối tượng tham dự: Các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng theo danh sách chốt của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 28/3/2022.

Nội dung chính của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:

Thảo luận và thông qua:

- Báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.

- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022.

- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

- Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021.

- Báo cáo quyết toán thù lao năm 2021 và phương án chi trả thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG
Ký ngày: 5/4/2022 16:04:39

- Báo cáo lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty

- Báo cáo sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động lần thứ 3.

- Báo cáo thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Báo cáo thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Báo cáo thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp không tham dự Đại hội, Quý cổ đông có thể ủy quyền cho người khác hoặc một trong các thành viên Hội đồng quản trị (hoặc không tham dự và không ủy quyền cho ai) theo mẫu giấy ủy quyền (gửi kèm thông báo này) và gửi về Phòng Tổ chức Hành chính Công ty chậm nhất vào 16h00 ngày **19/4/2022**.

Khi tham dự Đại hội, Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo: Thông báo này, CMND/Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền).

Trước khi vào Hội trường tham dự Đại hội, Quý cổ đông (hoặc người được ủy quyền) phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại bàn đăng ký đại biểu của Ban tổ chức và nhận các tài liệu liên quan khác.

Tài liệu Đại hội được đăng tải trên website của Công ty: www.capnuochaiphong.com.vn, mục: Dành cho cổ đông/Đại hội cổ đông thường niên. Các cổ đông tự truy cập vào website của Công ty và tải tài liệu Đại hội.

Các cổ đông tự chi trả các chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí cá nhân khác khi đến tham dự Đại hội.

Thông báo mời họp này được gửi tới các cổ đông và thông báo trên website của Công ty, báo Hải Phòng, báo An ninh Hải Phòng, Đài phát thanh và truyền hình Hải Phòng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Kính gửi;
- Lưu BTK, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0200171274 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG
Q. HỒNG BÀNG T.P HẢI PHÒNG

Trần Việt Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CHƯƠNG TRÌNH

Thời gian: Từ 07h30 Thứ ba, ngày 26/4/2022.

Địa điểm: Hội trường tầng 6 – Công ty CP Cấp nước Hải Phòng; Số 54 Dinh Tiên Hoàng, Hồng Bàng, Hải Phòng

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
1	07h30 – 08h00	Đón tiếp đại biểu và đăng ký cổ đông.
2	08h00 – 08h20	- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. - Chủ tịch HĐQT phát biểu khai mạc Đại hội. - Bầu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu.
3	08h20 – 08h30	Thông qua chương trình.
4		Thông qua quy chế làm việc của Đại hội.
5	08h30 – 08h40	Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty.
6	08h40 – 08h50	Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
7	08h50 – 09h00	Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022.
8	09h00 – 09h10	Báo cáo của BKS về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ, BKS năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.
9	09h10 – 09h15	Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2021.
10	09h15 – 09h20	Báo cáo quyết toán thù lao năm 2021 và phương án chi trả thù lao năm 2022 của HĐQT, BKS.
11	09h20 – 09h25	Báo cáo lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2022.
12	09h25 – 09h50	Trình bày dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi và bổ sung lần thứ 3.
13	09h50 – 10h00	Trình bày dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
14	10h00 – 10h10	Trình bày dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT.
15	10h10 – 10h20	Trình bày dự thảo Quy chế hoạt động của BKS.
16	10h20 – 10h30	Trình bày công văn của UBND TP về việc cho ý kiến để người đại diện vốn nhà nước biểu quyết tại Đại hội.

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
17	10h30 – 10h50	Chủ tọa điều hành Đại hội thảo luận và xin ý kiến của cổ đông về các nội dung được trình bày tại Đại hội.
18		Trình bày tờ trình của HĐQT thông qua các nội dung cần biểu quyết.
19		Biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo.
20	10h50 – 11h00	Thông qua biên bản kiểm phiếu
21	11h00 – 11h10	Thông qua Nghị quyết Đại hội.
22	11h10 – 11h20	Thông qua Biên bản Đại hội.
23	11h20 – 11h25	Bế mạc Đại hội.

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày .... tháng 4 năm 2022

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

***Kính gửi*: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

Tên cổ đông: .....

Số ĐKSH: .....; Ngày cấp: ....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....;Fax: ..... Email:.....

Hiện đang sở hữu ..... cổ phần của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng.

Số cổ phần bằng chữ: .....

Ủy quyền cho:

Ông/Bà (*): .....

Số CMND/ĐKKD: ..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Thay mặt tôi để tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của tôi tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với toàn bộ số cổ phần tôi sở hữu, số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	**NGƯỜI ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu cổ đông là pháp nhân)*

Ghi chú: *Mỗi cổ đông cá nhân chỉ được ủy quyền cho một người khác dù điều kiện tham dự. Trường hợp không tham dự và không ủy quyền tham dự Đại hội cho người khác, đề nghị ghi rõ và mục (*): Tôi không tham dự đại hội và không ủy quyền cho người khác dự thay."*

(Đơn vị/Nhóm:.....) Số giấy ủy quyền: 2022GUQ-....

Mã số: THQ-2022/«STT»; Đơn vị/nhóm: Ban Lãnh đạo

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

THẺ BIỂU QUYẾT

Họ và tên: Nguyễn Văn A; Số ĐKSH: 12345678

TỔNG SỐ CỔ PHẦN BIỂU QUYẾT: 8.000 **Cổ phần.**

(Bằng chữ: **Tám nghìn** Cổ phần).

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu:	6.000 Cổ phần.
- Số cổ phần Đại diện sở hữu: *(Đại diện vốn, nhận ủy quyền tham dự Đại hội)*	2.000 Cổ phần.

Ghi chú: Quý Cổ đông sử dụng thẻ biểu quyết này để biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội.

ĐH2022-05

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG **CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: QC-ĐHĐCD-2022	*Hải Phòng, ngày 26 tháng 4 năm 2022*

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 76/BB-HĐQT ngày 23/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng xây dựng Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (gọi tắt là "Đại hội") của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty theo danh sách chốt của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 28/3/2022.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền khi tham dự Đại hội:

a) Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu liên quan (tài liệu được đăng trên website công ty và công bố thông tin theo quy định;

b) Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

c) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

d) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền), các tài liệu liên quan khác và đăng ký xác nhận tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

b) Ăn mặc lịch sự, khi đến dự phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông trước khi vào Hội trường dự Đại hội.

c) Không hút thuốc lá trong hội trường, điện thoại để chế độ rung hoặc tắt.

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội.

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Đoàn Chủ tịch Đại hội.

f) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

g) Tuân thủ quyền điều hành của Đoàn Chủ tịch Đại hội.

h) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

3.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Thư mời, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp các tài liệu họp liên quan khác;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội hoặc khi công bố kết quả biểu quyết từng nội dung, nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

4.1. Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và các thành viên do Đoàn Chủ tịch đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

4.2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn thể lệ biểu quyết, bầu cử và tiến hành kiểm phiếu cho từng vấn đề biểu quyết.

4.3. Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

4.4. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

4.5. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

4.6. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập và bàn giao lại biên bản kiểm phiếu cho HĐQT Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Thư ký Đại hội

5.1. Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm ba (03) thành viên, do Đại hội giới thiệu và biểu quyết thông qua.

5.2. Quyết định của Đoàn Chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

5.3. Đoàn Chủ tịch tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

5.4. Đoàn Chủ tịch có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

5.5. Đoàn Chủ tịch có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

5.6. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Đoàn Chủ tịch, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

5.7. Đoàn Chủ tịch được chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn Chủ tịch.

Chương III: THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

6.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

6.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

7.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

7.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

7.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản và Nghị quyết Đại hội được thông qua.

Điều 8. Thông qua vấn đề của Đại hội

Các vấn đề của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 9. Thẻ biểu quyết

9.1. Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty và được gửi cùng tài liệu liên quan cho các cổ đông khi đến đăng ký dự Đại hội. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, số cổ phần của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

9.2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

Điều 10. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được công bố ngay tại Đại hội. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn thể lệ cho các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền trước khi tiến hành biểu quyết.

Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu thì nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá năm (05) phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 12. Nghị quyết Đại hội

Đoàn Chủ tịch chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua và công bố thông tin theo quy định.

Điều 13. Biên bản Đại hội

13.1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Đoàn Chủ tịch Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

13.2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

13.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

13.4. Biên bản Đại hội phải được công bố thông tin theo quy định.

Điều 14. Hiệu lực thi hành của Quy chế

14.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười bốn (14) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;

14.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận
- HĐQT, BĐH, BKS
- Cổ đông của Công ty;
- Lưu: BTK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Việt Cường

ĐH2022-06

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Số: BC-CNHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty

Năm 2021, đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại Việt Nam đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế - xã hội trên cả nước nói chung và Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng nói riêng. Bên cạnh đó, Công ty cũng gặp không ít khó khăn do tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn cũng như ô nhiễm nguồn nước ngày càng gia tăng do biến đổi khí hậu, nước biển dâng; chi phí đầu vào tăng...

Trước tình hình đó, với nỗ lực cao của toàn thể CBCNV Công ty cùng với phát huy kinh nghiệm, hiệu quả công tác quản trị, linh hoạt trong điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Điều hành (BĐH) Công ty vẫn tiếp tục giữ vững ổn định sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt kế hoạch cấp nước, áp dụng chuyển đổi số nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, dịch vụ cấp nước, hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch công tác năm 2021; góp phần vào thực hiện thành công chỉ đạo của Thành phố là thực hiện mục tiêu kép: vừa chống dịch hiệu quả vừa phát triển kinh tế.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. LĨNH VỰC SẢN XUẤT – CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sản xuất nước ổn định, đảm bảo cấp nước đầy đủ cho nhu cầu của khách hàng. Nước sản xuất năm 2021 đạt 83,03 triệu m^3 (trung bình ngày đạt 227.477 m^3/ngđ); tăng 3,32% so với năm 2020.

- Duy trì áp lực cuối nguồn tại các tuyến ống chính đảm bảo tối thiểu 1,5 bar (≥ 15 m cột nước).

- Năm 2021, 100% mẫu nước cấp của công ty đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT và QCVN 01-1:2018/BYT (áp dụng từ 01/07/2021), độ trong nước phát trung bình đạt 0,16 NTU (quy chuẩn là 2 NTU); clo dư trung bình đạt 0,88 mg/l (tăng cường lượng clo dư trong nước cấp để phòng chống dịch Covid-19), tất cả các mẫu thử không có vi khuẩn Coliform.

- Chất lượng nước cấp được kiểm tra, giám sát bởi: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hải Phòng, Trung tâm quan trắc môi trường Hải Phòng, Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường - Bộ Y tế và Phòng Kiểm tra chất lượng Công ty - VILAS 449 (Phòng thí nghiệm được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017).

- Công ty thực hiện chế độ giám sát, báo cáo chất lượng nước cấp theo quy định Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 14/12/2018. Kết quả chất lượng nước được định kỳ báo cáo các cơ quan chức năng của thành phố và công bố trên trang thông tin điện tử (website) công ty.

- Tháng 8/2021 Đoàn kiểm tra Nhà nước về chất lượng nước năm 2021 của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường - Bộ Y tế tiến hành kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về đảm bảo chất lượng nước theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT tại Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng. Công ty được đánh giá thực hiện tốt các quy định hiện hành và tất cả các mẫu nước do đoàn kiểm tra lấy mẫu được kiểm nghiệm tại Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường - Bộ Y tế đều đạt yêu cầu theo quy định.

- Máy móc, thiết bị luôn hoạt động trong điều kiện an toàn, hiệu quả. Công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị được thực hiện thường xuyên theo kế hoạch, đảm bảo hoạt động an toàn không để xảy ra sự cố. Thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm tra, kiểm định an toàn đảm bảo tốt công tác PCCN và ATVSLD, không để xảy ra tai nạn trong lao động.

- Năm 2021 diễn biến chất lượng nước thô ngày càng phức tạp, nhiều chỉ tiêu vượt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Các chỉ tiêu ô nhiễm tăng cao như amoni, pemanganat, nitrit, mangan nhất là chỉ số nitrit. Để đáp ứng yêu cầu sản xuất, Công ty đã lắp đặt thiết bị quan trắc online cho tất cả các nhà máy để quan trắc các chỉ tiêu pH; độ dẫn điện, độ đục, clo dư; hệ thống này đã phát huy hiệu quả kiểm soát tốt độ mặn tại các cống thượng nguồn. Các nhà máy sản xuất tăng cường kiểm soát chất lượng nước theo từng công đoạn trong dây chuyền xử lý, kịp thời phát hiện khi có biến động về chất lượng nước để sử dụng hóa chất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả. Các phòng ban phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sản xuất và các công ty khai thác công trình thủy lợi kiểm tra hệ thống sông, quan trắc chất lượng nước, phát hiện các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước để hạn chế, ngăn ngừa các điểm có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước.

- Ngoài ra, công ty đã áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, các giải pháp kỹ thuật như: nâng cao hàm lượng oxy hòa tan trong nước (DO) tăng hiệu quả xử lý amoni, nitrit, hữu cơ cho bể lọc Sinh học UBCF, xử lý ô nhiễm nguồn nước nhà

máy nước An Dương, Vĩnh bảo, kiểm soát độ mặn tại các công trình đầu nguồn nước của Công ty đảm bảo quá trình sản xuất tại các nhà máy; bổ sung khai thác và xử lý nguồn nước ngầm đảm bảo cấp nước khu vực Phù Long, thị trấn Cát Bà...

- Năm 2021 là năm đầu tiên sau khi hoàn thành dự án đầu tư mở rộng HTCN thành phố Hải Phòng giai đoạn 2 vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), nâng tổng công suất sản xuất nước của Công ty lên 390.000m^3/ngày với 9 nhà máy và 11 trạm bơm tăng áp đã góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đồng bộ hệ thống cấp nước, nâng cao năng lực quản lý, đáp ứng nhu cầu dùng nước cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đảm bảo quy hoạch cấp nước đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Cùng với việc chính thức đưa vào vận hành công trình bể lọc tiếp xúc sinh học u-BCF của Nhật Bản công suất 100.000m^3/ngày tại NMN An Dương giúp Công ty chủ động ứng phó, xử lý ô nhiễm hữu cơ trong nước nguồn, tiết kiệm hóa chất đồng thời cải thiện chất lượng nước cấp một cách đáng kể cho khu vực nội thành Hải Phòng. Hiện, Công ty sản xuất và cung cấp nước ổn định cho trên 342.000 khách hàng, tương đương 1,4 triệu dân thành phố; chất lượng nước cấp đạt Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia chất lượng nước ăn uống QCVN 01-1:2018 của Bộ Y tế, thay thế cho QCVN 01:2009 đã hết hiệu lực.

- Đối với Cát Bà là khu vực đặc thù, cách xa đất liền, phương án cấp nước tối ưu nhất là sử dụng chính nguồn nước ngọt nội tại ở trên đảo. Để đối phó với đặc thù khó khăn về nguồn nước và thực trạng biến đổi khí hậu; Công ty đã chủ động xây dựng thêm 01 cụm xử lý nước biển công suất 1.500m^3/ngày, đưa công suất xử lý nước biển tại Cát Bà là 3.000m^3/ngày, nâng tổng công suất cấp nước tại đây lên 15.000m^3/ngày; đảm bảo cung cấp đủ nước cho nhân dân và mục tiêu phát triển kinh tế của đảo. Riêng đảo Bạch Long Vỹ, Công ty đã và đang phối hợp cùng chính quyền địa phương xây dựng phương án cấp nước tại đảo, theo kế hoạch sẽ khởi công vào đầu năm 2022. Công tác phát triển khách hàng ra khu vực nông thôn mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng được sự ủng hộ của chính quyền thành phố, các sở, ngành và sự tin dùng của chính người dân khu vực nông thôn nên Công ty đã khắc phục khó khăn để triển khai đồng bộ mạng lưới truyền dẫn, phân phối, đồng hồ đo nước cho gần 2.000 hộ dân xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy.

II. LĨNH VỰC KINH DOANH TIÊU THỤ VÀ TÀI CHÍNH

1. Công tác kinh doanh tiêu thụ

- Tiếp tục xây dựng các tuyến ống truyền dẫn, mạng lưới phân phối để phát triển khách hàng theo kế hoạch, cấp nước cho các khu công nghiệp, khu đô thị mới và nông thôn. Tổng số khách hàng phát triển năm 2021 đạt 10.556 khách hàng,

tăng 2,66% so với năm 2020. Sản lượng nước thương phẩm năm 2021 đạt 74,87 triệu m^3 tăng 3,2% so với năm 2020.

- Thường xuyên kiểm tra, áp giá nước kịp thời, chính xác theo đúng mục đích sử dụng, đảm bảo doanh thu theo kế hoạch. Giá nước bình quân năm 2021 đạt 11.975 đ/m3. Tổng doanh thu tiền nước năm 2021 đạt 897,9 tỷ đồng tăng 2,4% so với năm 2020, giảm khoảng 0,5% so với kế hoạch 2021, nguyên nhân là do đại dịch Covid-19 bùng phát tác động nặng nề tới mọi hoạt động của đời sống xã hội và suy giảm nền kinh tế, đặc biệt là các nhóm ngành kinh doanh, dịch vụ... làm sụt giảm sản lượng tiêu thụ nước của các nhóm ngành này... (nhóm ngành kinh doanh, dịch vụ...là nhóm ngành phải bù chéo cho nhóm sinh hoạt, hộ gia đình) dẫn đến giá bán nước sạch bình quân và doanh thu tiền nước giảm so với kế hoạch. Bên cạnh đó theo chỉ đạo của Chính phủ, UBND Thành phố và các sở ngành, Công ty đã khẩn trương, kịp thời tiếp tục đề xuất phương án giảm giá nước cho các hộ nghèo, cận nghèo và các khu cách ly tập trung trên địa bàn Thành phố bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 trong năm 2021 và được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021. Công ty đã rà soát và làm thủ tục để miễn giảm tiền nước cho khoảng trên 3.200 hộ nghèo, hộ cận nghèo và 07 cơ sở cách ly của Thành phố với số tiền miễn giảm khoảng 1,3 tỷ đồng.

- Công tác sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai, đóng bình HaiPhong Water ngày càng phát triển và có sức cạnh tranh tốt. Nhờ chú trọng đến chất lượng nên sản phẩm của công ty đã chiếm được lòng tin của khách hàng, dần mở rộng và chiếm lĩnh được thị phần trên thị trường tiêu thụ. Đến nay, công ty đã có trên 5.000 cơ sở, đại lý trên toàn địa bàn thành phố. Doanh thu năm sau đều cao hơn các năm trước.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin cũng như các khoa học kỹ thuật mới, tiên tiến, tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, sản xuất và chăm sóc khách hàng mang lại hiệu quả cao và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước như: hoàn thiện các quy trình cung cấp dịch vụ khách hàng đảm bảo khách hàng có thể đăng ký dịch vụ online trên website, qua điện thoại…; tiếp tục triển khai đọc số và thu tiền sử dụng nước một lần bằng điện thoại thông minh (smartphone) kết hợp với việc duy trì đa dạng các hình thức thanh toán tiền nước giúp mang lại nhiều sự lựa chọn và thuận lợi cho khách hàng với các hình thức như: tại nhà, tại tổ quản lý, trên website của Công ty, ủy thác thanh toán tự động qua ngân hàng, chuyển khoản hoặc nộp tiền tại phòng giao dịch ngân hàng, thanh toán qua các đơn vị trung gian đảm bảo đáp ứng cho 100% khách hàng có thể thực hiện thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt. Vận hành hiệu quả Trung tâm

Chăm sóc Khách hàng (Call Center) để tiếp nhận và giải quyết các thông tin của khách hàng một cách nhanh chóng qua số điện thoại **02253.51.58.58,** trong năm 2021, Trung tâm đã tiếp nhận và giải quyết trên 25.700 thông tin tư vấn, giải đáp thắc mắc, sự cố về cấp nước. Thành lập mới bộ phận Dịch vụ sửa chữa sau đồng hồ để tạo sự thuận tiện cho khách hàng, qua đó góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước…

- Cùng với việc đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo chất lượng nước cấp theo quy chuẩn, Công ty cũng tăng cường công tác quản lý mạng lưới, hệ thống cấp nước nhằm kiểm soát tốt nước thất thoát. Trong bối cảnh thành phố trên đà phát triển mạnh mẽ, do đó nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật được triển khai xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo chỉnh trang đô thị, cải tạo đường ngõ gây ảnh hưởng đến mạng lưới cấp nước, dễ gây thất thoát nước. Tuy nhiên, bằng việc triển khai đồng bộ các giải pháp từ xây dựng, nâng cấp đến áp dụng công nghệ và tăng cường quản lý, tỷ lệ thất thoát của Công ty năm 2021 đạt 10%, giảm 1,8% so với kế hoạch công tác góp phần nâng cao hiệu quả SXKD và tiết kiệm tài nguyên nước.

- Khảo sát đánh giá chất lượng dịch vụ cấp nước năm 2021 của Công ty: số lượng khách hàng được khảo sát trên 1.000 hộ khách hàng. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ khá lớn các khách hàng được khảo sát đánh giá tốt về việc thực hiện dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước Hải Phòng giai đoạn 2 của Công ty và thể hiện hài lòng với chất lượng dịch vụ cấp nước do Công ty cung cấp, đặc biệt là chất lượng nước và áp lực cấp nước.

2. Công tác tài chính

- Cân đối thu chi đảm bảo trả nợ gốc và lãi vay các dự án đầy đủ, đúng hạn và trang trải đầy đủ các khoản chi phí vận hành giúp duy trì SXKD ổn định, đảm bảo lợi nhuận theo kế hoạch, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển. Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 959,4 tỷ đồng tăng 1,1%; Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 103,7 tỷ đồng tăng khoảng 0,1% so với kế hoạch công tác.

- Theo dõi và hạch toán các giao dịch kinh tế tài chính theo đúng quy định hiện hành và đảm bảo hiệu quả SXKD của Công ty.

- Lập và kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định.

- Thực hiện tốt công tác quản lý và bảo toàn phát triển vốn tại Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH NĂM 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)/(4)
1	Số khách hàng phát triển	Khách hàng	10.430	10.556	101,2%
2	Sản lượng nước sản xuất	triệu m3	83,87	83,03	99,0%
3	Sản lượng nước tiêu thụ	triệu m3	74,76	74,87	100,1%
4	Tổng doanh thu và thu nhập khác *Doanh thu SXKD nước sạch*	Tỷ đồng *Tỷ đồng*	948,7 *902,6*	959,4 *897,9*	101,1% *99,5%*
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	103,6	103,7	100,1%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	84,6	84,9	100,3%
7	Giá nước bình quân	đ/m3	12.112	11.975	98,9%
8	Dịch vụ thoát nước (không bao gồm thuế GTGT)	Tỷ đồng	138,0	139,7	101,2%
9	Tỷ lệ thất thoát	%	≤ 11,8	10,0	

III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Để đáp ứng nhu cầu dùng nước của nhân dân và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố, trong năm 2021 công ty đã tích cực, chủ động triển khai nhiều dự án cấp nước có hiệu quả cao:

- Triển khai vận hành công trình cụm bể lọc tiếp xúc sinh học uBCF công suất 100.000m^3/ngày tại nhà máy nước An Dương sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản; hoàn thành Dự án đầu tư mở rộng HTCN thành phố Hải Phòng – giai đoạn 2 vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cùng nhiều dự án khác đã nâng cao năng lực cấp nước của công ty lên 390.000m3/ngày.

- Triển khai dự án Xây dựng bể chứa nước sạch 6.000 m3 tại NMN Cầu Nguyệt, xây dựng cụm xử lý nước biển số 2 công suất 1.500 m3/ngày NMN Cái Giá nhằm nâng cao năng lực cấp nước. Công ty cũng triển khai các dự án lắp đặt các tuyến ống truyền tải để hoàn thiện, nâng cao năng lực của mạng lưới chuyên tải, đảm bảo cấp nước an toàn như dự án xây dựng tuyến ống D500 từ KCN Đồ Sơn – Bệnh viện Đa khoa Đồ Sơn, dự án xây dựng tuyến ống cấp nước D300 Du Lễ – Ngũ Phúc, dự án xây dựng tuyến ống cấp nước D300 đường liên phường quận Hải An…

- Đầu tư phát triển cấp nước nông thôn theo chương trình xây dựng nông thôn mới, năm 2021 công ty đã thực hiện Dự án cấp nước xã Ngũ Phúc – huyện Kiến Thụy. Dự án hoàn thành có gần 2000 hộ dân được sử dụng nguồn nước sạch đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia.

- Triển khai các dự án lắp đặt các tuyến ống truyền tải, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, trạm bơm và phát triển HTCN phân phối khác.

IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ KHÁC

1. Bộ máy tổ chức, nhân lực Công ty

- Hội đồng quản trị: 5 người
- Ban Điều hành: 05 người (gồm Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc).
- Ban Kiểm soát: 03 người (02 người là cán bộ không chuyên trách).
- Đơn vị trực thuộc: 24 đơn vị (gồm 10 phòng ban và 14 Chi nhánh).
- Tổng số CBCNV tính đến 31/12/2021 là 1.011 người.

Công ty luôn chú trọng tới công tác cán bộ, nhân sự. Định kỳ rà soát xem xét bổ nhiệm lại các chức danh quản lý; sắp xếp lại lao động tại các đơn vị để phát huy hiệu quả công việc; đồng thời tinh giảm bộ máy. Nguồn nhân lực bổ sung có chuyên môn phù hợp với công việc của Công ty và ưu tiên nhân sự có trình độ chuyên môn cao. Mặc dù địa bàn cấp nước ngày càng mở rộng tuy nhiên với việc ứng dụng công nghệ mới đặc biệt là công nghệ thông tin do vậy tổng số CBCNV Công ty không tăng mà lại giảm đi so với cùng kỳ. Cụ thể tính đến 31/12/2021 tổng số nhân sự giảm 17 người so với số cùng kỳ năm 2020 là 1.028 người.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý

- Hợp tác với đối tác Nhật Bản trong việc xây dựng phần mềm Aqua Crew sử dụng hệ thống thông tin địa lý GIS (geographic information system) quản lý thông tin hệ thống cấp nước từ mạng lưới đường ống chuyên tải, đường ống dịch vụ, thiết bị mạng lưới, đồng hồ khối, thông tin về sửa chữa, bảo dưỡng đến thông tin khách hàng từ đó mang lại sự thuận tiện trong quản trị, tra cứu thông tin, chủ động lịch trình cải tạo, thiết kế mạng lưới, cung cấp cái nhìn tổng thể toàn bộ hệ thống cấp nước.

- Khai thác hiệu quả hệ thống Scada - ứng dụng công nghệ thông tin và các thiết bị thông minh để quản lý, vận hành hệ thống cấp nước từ nhà máy đến mạng lưới đường ống chuyên tải; máy móc, thiết bị được lập trình, điều khiển từ xa giúp tự động hóa quá trình vận hành, đồng thời quản lý, tìm kiếm rò rỉ, chống thất thoát hệ thống cấp nước.

- Duy trì trang Fanpage trên mạng xã hội Facebook cung cấp thông tin và tiếp nhận các phản ánh của khách hàng. Hoàn thiện các quy trình cung cấp dịch vụ như lắp đặt máy nước, thay đổi thông tin khách hàng và các dịch vụ liên quan, đảm bảo khách hàng có thể đăng ký dịch vụ online trên website, qua điện thoại... rút ngắn thời gian giải quyết yêu cầu và giảm bớt việc đi lại của khách hàng, đáp ứng mức độ cung cấp dịch vụ công theo quy định.

- Triển khai tiện ích Zalo Official Account (Zalo OA) nhằm mục đích cung cấp thông tin, tương tác và hỗ trợ khách hàng nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả hơn. Với tiện ích này, khách hàng sẽ nhận được thông báo tiền nước hàng tháng và tra cứu được các thông tin như: lịch sử dùng nước; lịch sửa chữa, duy tu bảo dưỡng mạng lưới cấp nước, thay đồng hồ ... và tương tác Online qua Chat.

- Bên cạnh việc đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty cũng tăng cường công tác quản lý mạng lưới, hệ thống cấp nước, ứng dụng các công nghệ tìm kiếm rò rỉ bằng máy dò, bằng thanh nghe, xây dựng và sử dụng phần mềm kiểm soát thất thoát bằng thanh nghe.

3. Công tác đào tạo

Công ty luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có phẩm chất chính trị, chuyên môn, có khả năng điều hành và làm chủ thiết bị công nghệ cao; đội ngũ công nhân lành nghề và đội ngũ nhân viên kinh doanh tiêu thụ có phong cách phục vụ khách hàng tốt. Năm 2021, Công ty đã tổ chức các khoá đào tạo, tập huấn cho CBCNV Công ty với các nội dung hết sức thiết thực, ứng dụng cao trong công việc như: tập huấn các chính sách về lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội; tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu; tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng; đào tạo kỹ thuật vận hành bể lọc tiếp xúc sinh học uBCF; tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ phân tích, kiểm soát chất lượng nước; tập huấn về kế hoạch cấp nước an toàn; bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy; huấn luyện an toàn hóa chất và diễn tập ứng phó sự cố hóa chất; tập huấn kỹ năng giao tiếp, ứng xử với khách hàng...

4. Hợp tác quốc tế

- Tiếp tục phối hợp với Cục Cấp thoát nước Kitakyushu triển khai các dự án hỗ trợ kỹ thuật (JICA tài trợ).

- Duy trì quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực cấp thoát nước tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức...

5. Công tác Đoàn thể chính trị, xã hội:

*** Công tác Đảng**

Đảng luôn lãnh đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Đảng bộ Công ty cùng Ban Giám đốc lãnh đạo CBCNV làm tốt nhiệm vụ chính trị cung cấp nước sạch, thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn.

Trong năm 2021, Đảng bộ Công ty đã kết nạp được 10 quần chúng ưu tú vào Đảng, chuyển đảng chính thức cho 12 đồng chí; chuyển đảng về nơi cư trú cho 05 đồng chí. Đảng bộ Công ty gồm có 22 Chi bộ, Số lượng Đảng viên hiện có 310 đảng viên trong đó 300 đảng viên chính thức, 10 đảng viên dự bị. Đảng bộ Công ty thường xuyên quán triệt các Nghị quyết của Đảng đến mọi cán bộ đảng viên, xây dựng chương trình hành động cụ thể thiết thực để tổ chức, lãnh đạo thực hiện, đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, những chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo từng năm được mọi đảng viên các chi bộ tham gia hưởng ứng tích cực, góp phần vào sự thành công của đợt vận động.

*** Công tác Công đoàn**

- Chủ động tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời những đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, thắt chặt tình tương thân tương ái trong tập thể người lao động. Tổ chức tặng quà cho nữ CBCNV nhân ngày 8/3, 20/10; tổ chức chương trình vui hè trực tuyến và biểu dương các cháu học sinh là con CBCNV có thành tích xuất sắc học tập… Nhân dịp tết Nguyên đán Tân Sửu, Công đoàn đã chủ động phối hợp cùng phòng TCHC, công đoàn bộ phận các đơn vị rà soát, tìm hiểu để tham mưu cho Lãnh đạo Công ty tổ chức tặng quà cho các trường hợp CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhưng luôn phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao với tổng giá trị trên 100 triệu đồng...

- Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid – 19 hạn chế cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, Công đoàn Công ty đã đề xuất Lãnh đạo công ty vận dụng và thay đổi một số hoạt động từ hình thức trực tiếp sang trực tuyến như: tổ chức cuộc thi ảnh trực tuyến "Duyên dáng áo dài cấp nước Hải Phòng"; tuyên truyền, vận động tham gia cuộc thi trực tuyến tìm hiểu Bộ luật Lao động 2019; tổ chức phát động tới đảng viên, CBCNV tham gia cuộc thi trực tuyến tìm hiểu lịch sử Đảng bộ khối doanh nghiệp và đạt được thành tích cao. Các cuộc thi đều nhận được sự hưởng ứng và tham gia sôi nổi, nhiệt tình, đạt được nhiều giải thưởng cao tạo nên hiệu ứng tích cực trong CBCNV trong toàn Công ty.

*** Đoàn thanh niên**

- Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19, Đoàn Thanh niên Công ty đã nghiên cứu, chế tạo máy sát khuẩn tay tự động, phục vụ cho công tác phòng, chống dịch hiện nay tại Công ty, nhằm hạn chế nguy cơ lây nhiễm trong cộng

đồng. Tích cực vận động các đoàn viên thanh niên, CBCNV Công ty mua hỗ trợ các mặt hàng nông sản để giúp bà con nông dân khắc phục khó khăn, bị ứ đọng hàng hóa do ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19. Trong năm 2021, Đoàn Thanh niên Công ty đã ủng hộ 50 thùng nước tinh khiết cho các lực lượng tham gia phòng, chống dịch bệnh Covid 19 tại 3 chốt điểm của Thành phố, tại cảng Đoạn Xá và cảng Tân Vũ; chung tay cùng với các cơ sở đoàn trực thuộc trong khối mua 300 khẩu trang để tặng cho Đoàn cán bộ, bác sỹ và sinh viên tình nguyện của trường Đại học Y Hải Phòng.

- Với phương châm hoạt động đoàn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, Đoàn Thanh niên Công ty thường xuyên cập nhật kiến thức pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao năng lực công tác, chủ động nghiên cứu, học tập, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào quá trình sản xuất kinh doanh. Tham gia viết các phần mềm ứng dụng phục vụ cho công việc của Công ty như: ứng dụng kiểm soát sửa chữa – bảo dưỡng hồ kỹ thuật, ứng dụng kiểm soát công trình, nguồn nước trên smartphone...

*** Hội cựu chiến binh**

- Hưởng ứng các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa; Hội Cựu chiến binh công ty tổ chức tri ân CBCNV là thương binh, thân nhân liệt sỹ, cựu quân nhân vào các ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7, ngày Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12.

- Trong tháng cao điểm vì người nghèo, Hội Cựu chiến binh đã chung tay cùng Công đoàn, Đoàn thanh niên Công ty hỗ trợ 50 triệu đồng xây nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo tại huyện An Lão.

- Thường xuyên phổ biến tới các đồng chí trong BCH Hội CCB về công tác phòng, chống dịch Covid 19, từ đó các đồng chí trong hội tuyên truyền tới các đồng chi đồng nghiệp tại đơn vị để luôn có ý thức bảo vệ bản thân và cộng đồng. Năm 2021, Hội CCB Công ty đã ủng hộ 150 thùng nước tinh khiết tại chốt kiểm soát dịch bệnh Covid 19 Cầu Nghìn, nhằm góp một phần nhỏ trong công cuộc phòng chống dịch bệnh.

*** Công tác đời sống - xã hội**

- Công ty thực hiện chi trả lương cho cán bộ công nhân viên (bao gồm người quản lý Công ty) theo quyết định của UBND Thành phố. Công ty luôn đảm bảo đủ việc làm cho người lao động giúp họ có thu nhập ổn định, từng bước cải cách hình thức trả lương cho CBCNV sát hơn với hiệu quả công việc, tạo sự công bằng, khuyến khích người lao động hăng say trong công việc.

- Bên cạnh việc tập trung vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV. Đảng bộ tạo điều

kiện cho các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh hoạt động nhằm vận động CBCNV tích cực hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn đồng thời bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động; đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; trang bị bảo hộ lao động; chăm lo, tổ chức khám sức khỏe định kỳ; lắp đặt dụng cụ thể thao cho CBCNV tại các đơn vị, chi nhánh, xí nghiệp nhằm khuyến khích phong trào thể dục thể thao, tự rèn luyện tăng cường sức khỏe. Bên cạnh đó, công tác chăm lo sức khỏe cho CBCNV cũng được Công ty quan tâm: tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV 1 năm 1 lần; tổ chức khám chuyên khoa cho nữ CBCNV 1 năm 2 lần; trang bị máy đo huyết áp tại chỗ để cho CBCNV chủ động kiểm tra sức khỏe; lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời cho CBCNV tại các đơn vị, chi nhánh xí nghiệp nhằm khuyến khích phong trào thể dục thể thao, tự rèn luyện tăng cường sức khỏe.

- Với truyền thống lá lành đùm lá rách, trong năm 2021 Công ty đã tích cực tham gia công tác từ thiện, chung tay cùng thành phố trong trách nhiệm với cộng đồng: ủng hộ quỹ phòng chống Covid-19 và quỹ vắc xin; ủng hộ người lao động các tỉnh phía Nam bị ảnh hưởng do Covid-19; chương trình 'Sóng và máy tính cho em" và các hoạt động ủng hộ khác với tổng số tiền trên 300 triệu đồng. Đặc biệt, tiếp nối năm 2020, năm 2021 Công ty cũng đã chủ động, đề xuất báo cáo trình UBND thành phố phương án miễn giảm tiền nước do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đối với các hộ nghèo, cận nghèo và các cơ sở cách ly tập trung được UBND thành phố phê duyệt. Theo đó, Công ty đã thực hiện giảm giá tiền nước với các đối tượng theo Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND vào 3 kỳ hóa đơn liên tiếp là tháng 6, tháng 7 và tháng 8 với tổng số tiền trên 1,3 tỉ đồng.

6. Lĩnh vực khác

- Thực hiện và phối hợp với các đơn vị trong công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp tại Công ty theo sự chỉ đạo của các sở ngành và Thành phố.

- Cập nhật, điều chỉnh bổ sung các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với Điều lệ và các quy định hiện hành cũng như tình hình thực tiễn của Công ty.

- Thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

- Phối hợp người đại diện vốn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với hoạt động SXKD tại Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng (Công ty số 2). Trong các năm qua, Công ty số 2 luôn luôn hoạt động SXKD có lãi, phần vốn góp của Công ty được bảo toàn và phát triển. Năm 2021, Công ty đã nhận được 9,6 tỷ tiền cổ tức từ Công ty số 2.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2021, Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng quyết tâm cao, hoàn thành kế hoạch năm 2022 với thành tích tốt nhất, tạo tiền đề cho Công ty phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của nhân dân và sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

I. LĨNH VỰC SẢN XUẤT NƯỚC – CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Đảm bảo cấp nước an toàn, kịp thời, đầy đủ với chất lượng đạt tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế. Áp lực nước cuối nguồn ở các tuyến ống chính ≥ 15m cột nước (1,5 bar). Tiêu hao điện cho 1 m^3 nước sản xuất ≤ 300 w/m3.

- Nước sản xuất dự kiến: 84,94 triệu m^3. đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của khách hàng tại các vùng phục vụ. Dự kiến nước lập hóa đơn là 76,67 triệu m^3 nước

- Kết hợp với các Công ty khai thác công trình thủy lợi tăng cường công tác tuyên truyền, bảo vệ nguồn nước.

- Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các nhà máy sản xuất nước và các trạm bơm.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ trong các dây chuyền xử lý nước.

II. LĨNH VỰC KINH DOANH TIÊU THỤ VÀ TÀI CHÍNH

- Dự kiến năm 2022 phát triển khoảng 10.300 khách hàng nâng tổng số khách hàng dùng nước đạt khoảng 352.000 khách hàng.

- Vận hành mạng lưới theo áp lực cuối nguồn đảm bảo ≥ 15 m cột nước

- Phấn đấu tỷ lệ thất thoát nước toàn công ty ≤ 11,7%.

- Doanh thu hoạt động SXKD nước sạch phấn đấu đạt 922,7 tỷ đồng. Doanh thu từ sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai đạt trên 12 tỷ đồng.

- Phấn đấu đạt giá nước bình quân ≥ 12.000 đồng/m^3.

- Tổng lợi nhuận trước thuế phấn đấu đạt 103,8 tỷ đồng.

- Tiếp tục thực hiện công tác đọc số và thu tiền một lần bằng Smartphone kết hợp đa dạng hóa các hình thức thanh toán tiền nước.

- Tiếp nhận, giải quyết các dịch vụ, yêu cầu và phản hồi của khách hàng trực tuyến qua website, trang fanpage của Công ty, phát triển tối ưu tiện ích Zalo Official Account (Zalo OA).

- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, bảo đảm thu nhập của người lao động và nộp ngân sách đầy đủ.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, đảm bảo tỷ suất đầu tư hợp lý.

- Quản lý hiệu quả bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2.

- Trả nợ gốc và lãi vay đầy đủ đúng hạn.

- Phối hợp với các cấp, ngành trong việc giải phóng mặt bằng phục vụ công tác chỉnh trang đô thị và các dự án phát triển của Thành phố.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU SXKD CHÍNH KẾ HOẠCH NĂM 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Số khách hàng phát triển	Khách hàng	10.300
2	Sản lượng nước sản xuất	triệu m^3	84,94
3	Sản lượng nước tiêu thụ	triệu m^3	76,67
4	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	973,6
	Trong đó: Doanh thu SXKD nước sạch	*Tỷ đồng*	*922,7*
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	103,8
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	85,0
7	Giá nước bình quân	đ/m^3	12.072
8	Giá dịch vụ thoát nước (không bao gồm thuế GTGT)	Tỷ đồng	142,0
9	Tỷ lệ thất thoát	%	≤11,7%

III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Căn cứ Định hướng quy hoạch tại Quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 16/09/2009 của Thủ tướng chính phủ về việc "Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050";

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 05/03/2018 của UBND thành phố Hải Phòng về việc "Phê duyệt quy hoạch cấp nước thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050";

Căn cứ văn bản số 247/KH-UBND ngày 19/10/2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng về Kế hoạch triển khai thực hiện chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục;

Căn cứ Chiến lược phát triển giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030 của Công ty.

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp và dự kiến đầu tư các dự án như sau:

* Tập trung chỉ đạo dẩy nhanh việc triển khai và hoàn thành quyết toán các công trình, dự án cấp nước đang triển khai:

- Dự án nâng cấp nhà máy nước An Dương (vốn viện trợ không hoàn lại Nhật Bản);

- Xây dựng tuyến ống cấp nước D800 đường 353 (từ cống Hòa Bình đến nút giao cao tốc HN-HP);

- Xây dựng Trạm bơm tăng áp Đình Vũ - Dự án đầu tư xây dựng HTCN ra đảo Cát Hải;

- Xây dựng tuyến ống nước thô D1000 đường Tôn Đức Thắng từ Ngã tư cơ điện - cầu An Dương;

- Cấp nước đảo Bạch Long Vĩ;

- Các dự án chuyển tiếp khác từ các năm trước.

* Đầu tư xây dựng các Dự án mở rộng Hệ thống cấp nước:

- Cấp nước các Khu đô thị mới, Khu cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung trên địa bàn thành phố;

- Xây dựng tuyến ống truyền tải liên thông cấp nước an toàn kết nối các nhà máy, trạm cấp nước và giữa khu vực cấp nước các quận, huyện;

- Xây dựng, nâng cấp các công trình nhà, trạm; cải tạo các cụm bể xử lý nước tại các nhà máy nước trên địa bàn thành phố;

- Xây dựng một số tuyến ống truyền tải theo các tuyến đường mới và có quy hoạch thi công: đường World bank, đường ven biển, đường nối ven biển quận Đồ Sơn, đường vành đai 2... phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước;

- Cấp nước thị trấn Cát Hải, các khu vực nông thôn và các khu vực khác.

(Tham khảo báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022)

IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ KHÁC

- Tiếp tục nghiên cứu áp dụng công nghệ và tiến bộ khoa học, tự động hóa trong công tác quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh để mang lại hiệu quả cao hơn trong công việc.

- Công tác quản lý kế hoạch, tổ chức, tài chính đạt hiệu quả cao, đảm bảo trả đủ gốc và lãi vay đúng hạn. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng hoặc cao hơn năm 2021. Doanh thu, chi phí của các khu vực được cập nhật và kiểm soát hàng ngày.

- Đảm bảo điều kiện công ăn việc làm, ổn định thu nhập, nâng cao đời sống CBCNV Công ty. Sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định của pháp luật

và các quy định nội bộ của Công ty để khen thưởng, động viên khích lệ người lao động hăng say trong công việc.

- Tiếp tục thực hiện tinh giảm bộ máy, cơ cấu tổ chức, nhân sự. Thực hiện sử dụng lao động, chế độ tuyển dụng, đào tạo theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty; Tiếp tục cải cách hình thức trả lương cho CBCNV.

- Duy trì và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế.

- Thực hiện các dự án mở rộng vùng phục vụ. Các dự án cấp nước khu vực nông thôn theo chương trình xây dựng nông thôn mới của thành phố. Phối hợp với các cấp, các ngành thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án của thành phố.

- Tăng cường công tác bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước.

- Nâng cao chất lượng phục vụ, thực hiện tốt văn hóa Công ty. Thủ tục lắp đặt, sửa chữa, di chuyển máy nước được thực hiện nhanh chóng, đúng quy trình. Các khiếu nại của khách hàng được giải quyết hợp lý, kịp thời, đúng quy định.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư theo đúng kế hoạch đã đề ra. Quản lý hiệu quả vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

- Tổ chức các chương trình học tập, tham quan nghiên cứu, tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV.

- Tích cực tham gia các công tác xã hội. Tạo điều kiện tốt nhất cho các đoàn thể quần chúng hoạt động.

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Năm 2021 làn sóng dịch COVID-19 bùng phát trở lại và diễn biến phức tạp, lan rộng ra nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước, ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa… của nền kinh tế. Trong bối cảnh đó, với việc kiểm soát tốt công tác an toàn, dịch bệnh, phát huy kinh nghiệm, hiệu quả trong quản trị điều hành, Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng đã bám sát kế hoạch, hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu nhiệm vụ chính được giao, đáp ứng nhu cầu dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Công ty đã được Chủ tịch UBND Thành phố, các cấp các ngành khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD, đóng góp cao cho ngân sách Thành phố, góp phần hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2021.

Trong những tháng cuối năm, việc kiểm soát dịch bệnh trên cả nước đã có nhiều khởi sắc, các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng, hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước được khôi phục trong trạng thái bình thường mới, chuyển hướng từ chiến lược phòng, chống dịch Covid-19 sang "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid -19" theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày

11/10/2021 của Chính phủ. Phát huy kết quả đạt được năm 2021, Công ty sẽ tiếp tục phấn đấu giữ vững sản xuất kinh doanh ổn định, cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ cấp nước, đảm bảo cấp nước an toàn; hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2022.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng, báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Các Cổ đông;
- HĐQT,BĐH, BTC ĐHĐCĐ;
- BKS, CTCĐ;
- Lưu: BTK, VT, TCHC.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Dũng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 (Đã điều chỉnh) VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**413.921.565.483**	**513.077.428.588**
110	**I. Tiền và tương đương tiền**	**3**	**223.924.976.330**	**307.840.087.889**
111	1. Tiền		8.924.976.330	170.340.087.889
112	2. Các khoản tương đương tiền		215.000.000.000	137.500.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**13**	**47.500.000.000**	**47.500.000.000**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		47.500.000.000	47.500.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**38.438.998.977**	**44.176.221.755**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	8.603.608.150	5.908.800.516
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.360.796.220	9.926.687.906
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	28.625.423.766	29.203.770.837
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.150.829.159)	(863.237.504)
140	**IV. Hàng tồn kho**		**47.508.360.006**	**45.833.263.190**
141	1. Hàng tồn kho	8	47.508.360.006	45.833.263.190
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**56.549.230.170**	**67.727.855.754**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	60.457.000	242.635.772
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		56.304.704.290	67.301.151.102
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	184.068.880	184.068.880
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.847.257.237.854**	**1.988.480.332.225**
220	**I. Tài sản cố định**		**1.785.533.617.245**	**1.883.857.039.329**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.784.428.065.786	1.881.988.724.070
222	*- Nguyên giá*		*3.386.470.126.864*	*3.246.696.521.222*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(1.602.042.061.078)*	*(1.364.707.797.152)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.105.551.459	1.868.315.259
228	*- Nguyên giá*		*10.844.614.773*	*10.544.614.773*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(9.739.063.314)*	*(8.676.299.514)*
240	**II. Tài sản dở dang dài hạn**		**23.108.260.595**	**77.376.836.479**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	23.108.260.595	77.376.836.479
250	**III. Đầu tư tài chính dài hạn**	**13**	**22.638.000.000**	**22.638.000.000**
251	1. Đầu tư vào công ty con		21.938.000.000	21.938.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		700.000.000	700.000.000
260	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**15.977.360.014**	**4.608.456.417**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	15.977.360.014	4.608.456.417
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.261.178.803.337**	**2.501.557.760.813**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 (Đã điều chỉnh) VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.293.522.778.161**	**1.539.151.348.478**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**241.858.976.088**	**458.725.777.423**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	43.744.296.782	278.586.904.748
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.246.288.867	1.612.601.198
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.330.138.210	3.169.919.662
314	4. Phải trả người lao động		37.842.830.854	39.422.261.689
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.085.860.591	857.530.649
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	26.581.504.072	24.799.623.227
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	98.781.776.118	95.777.748.810
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	29.246.280.594	14.499.187.440
330	**II. Nợ dài hạn**		**1.051.663.802.073**	**1.080.425.571.055**
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	1.051.663.802.073	1.080.425.571.055
400	**B. NGUỒN VỐN**		**967.656.025.176**	**962.406.412.335**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	20	**967.656.025.176**	**962.406.412.335**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		742.069.400.000	742.069.400.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*742.069.400.000*	*742.069.400.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		139.994.270.876	135.804.126.441
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		85.592.354.300	84.532.885.894
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*729.997.201*	-
421b	*- LNST chưa phân phối năm nay*		*84.862.357.099*	*84.532.885.894*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.261.178.803.337**	**2.501.557.760.813**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Trần Việt Cường	Nguyễn Đăng Ninh	Nguyễn Minh Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị	Kế toán trưởng	Người lập

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 (Đã điều chỉnh) VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**22**	**919.485.470.213**	**899.038.950.913**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**919.485.470.213**	**899.038.950.913**
11	**4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**	**23**	**609.039.945.134**	**570.998.708.033**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**310.445.525.079**	**328.040.242.880**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	29.113.689.471	18.552.240.350
22	7. Chi phí tài chính	25	26.600.158.010	28.497.128.908
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*26.023.537.480*	*27.515.263.251*
25	8. Chi phí bán hàng	26	130.881.074.233	129.267.327.771
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	78.568.198.381	84.627.881.865
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**103.509.783.926**	**104.200.144.686**
31	11. Thu nhập khác	28	10.754.964.571	12.860.566.876
32	12. Chi phí khác	29	10.574.536.211	13.510.131.245
40	**13. Lợi nhuận khác**		**180.428.360**	**(649.564.369)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**103.690.212.286**	**103.550.580.317**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	18.827.855.187	19.017.694.423
60	**16. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**84.862.357.099**	**84.532.885.894**

Trần Việt Cường	Nguyễn Đăng Ninh	Nguyễn Minh Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị	Kế toán trưởng	Người lập

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Số: 78C-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021;

Căn cứ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 76/BB-HĐQT ngày 23/3/2022 của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng (Công ty) về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 thông qua.

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, đại diện cho chủ sở hữu quản lý Công ty, bao gồm:

1. Ông Trần Việt Cường – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Văn Dương – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Đặng Hữu Dũng – Thành viên HĐQT
4. Ông Vũ Hồng Dương – Thành viên HĐQT
5. Ông Nguyễn Đăng Ninh – Thành viên HĐQT

Xin được báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

I. Kết quả hoạt động năm 2021

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, trong năm qua HĐQT đã thực hiện chức năng quản trị, giám sát và định hướng mọi hoạt động của Công ty. HĐQT đã giao nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên theo từng lĩnh vực để chỉ

đạo, giám sát các hoạt động của Ban Điều hành (BĐH). Năm 2021, HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng do ĐHĐCĐ giao. Cụ thể như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh (%)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(5)/(4)*
1	Nước sản xuất	Triệu m3	83,87	83,03	99,0%
2	Nước tiêu thụ	Triệu m3	74,76	74,87	100,1%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	948,7	959,4	101,1%
	Trong đó: Doanh thu SXKD nước sạch	*Tỷ đồng*	*902,6*	*897,9*	*99,5%*
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	103,6	103,7	100,1%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	84,6	84,9	100,3%
6	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (dự kiến)	%	≥ 8,5%	8,5%	100,0%

Năm 2021 tiếp tục là một năm nhiều khó khăn, thách thức đối với các doanh nghiệp nói chung và đối với Công ty nói riêng khi nền kinh tế Việt Nam chịu nhiều tác động của tình hình thế giới và khu vực. Đặc biệt đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường đã tác động nghiêm trọng đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng tới tình hình và kết quả hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Bên cạnh đó tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn cũng như ô nhiễm nguồn nước ngày càng gia tăng do biến đổi khí hậu, nước biển dâng và việc xả thải ra môi trường của các cá nhân, tổ chức diễn ra phức tạp làm cho Công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác sản xuất, đảm bảo an ninh, an toàn nguồn nước.

Năm qua, mặc dù sản lượng nước tiêu thụ tăng nhưng sản lượng nước sản xuất giảm so với kế hoạch nhờ sự chỉ đạo sát sao của HĐQT trong công tác tìm kiếm rò rỉ, chống thất thoát, giúp giảm tỷ lệ thất thoát, tiết giảm chi phí, tăng doanh thu, lợi nhuận... góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2021, sản lượng nước tiêu thụ đạt 74,87 triệu m^3 tăng 0,1%; Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 959,4 tỷ đồng tăng 1,1%; Lợi nhuận trước thuế đạt 103,7 tỷ đồng tăng 0,1% so với kế hoạch; Doanh thu tiền nước đạt 897,9 tỷ đồng giảm so với kế hoạch do sản lượng nước tiêu thụ của nhóm mục đích kinh doanh, dịch vụ,... (nhóm bù chéo cho nhóm sinh hoạt hộ gia đình) giảm mạnh dẫn đến giá bán nước sạch bình quân và doanh thu tiền nước sụt giảm. Bên cạnh đó theo chỉ đạo của Chính phủ, UBND Thành phố và các sở ngành, Công ty đã khẩn trương, kịp thời tiếp tục đề xuất phương án giảm giá nước cho các hộ nghèo, cận nghèo và các khu cách ly tập trung trên địa bàn Thành phố bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19

trong năm 2021 và được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021. Việc giảm giá nước cho các đối tượng để hỗ trợ do ảnh hưởng bởi Covid-19 làm cho doanh thu tiền nước của Công ty giảm khoảng 1,3 tỷ đồng.

Công tác quản trị tài chính luôn được HĐQT chú trọng. Việc kiểm tra, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh được tăng cường, công khai minh bạch, tiết kiệm, đảm bảo theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Việc đầu tư tại Công ty CP Kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng (Công ty số 2) có hiệu quả, phần vốn góp của Công ty được bảo toàn và phát triển. Năm 2021, Công ty đã nhận được 9,6 tỷ đồng tiền cổ tức từ Công ty số 2. Trong năm 2021 khi Công ty số 2 tiến hành sửa chữa lớn, bảo dưỡng nhà máy cũng như khi nguồn nước thô đầu vào diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới công tác sản xuất nước của Công ty số 2, Công ty đã cung cấp nước sạch, dịch vụ kiểm nghiệm chất lượng nước... cho Công ty số 2 với giá trị khoảng 2,2 tỷ đồng (bao gồm cả thuế GTGT) để giúp Công ty số 2 duy trì hoạt động SXKD ổn định, đảm bảo cấp nước an toàn đến người dân.

(Một số chỉ tiêu chi tiết khác tham khảo theo Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty; Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán)

2. Kết quả hoạt động của HĐQT và từng Thành viên HĐQT

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và Quyết định số 03A/HĐQT-2020 ngày 03/6/2020 của HĐQT về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT Công ty, trong năm 2021 HĐQT và các thành viên HĐQT theo lĩnh vực được phân công đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định đối với hoạt động của HĐQT, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của BĐH trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch SXKD đề ra, giúp hoạt động năm 2021 của Công ty có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Cụ thể:

(1) Ông Trần Việt Cường – Chủ tịch HĐQT:

- Chỉ đạo chung việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HDQT theo quy định; Chủ trì giải quyết các công việc của HĐQT.
- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch theo các nghị quyết đề ra trong: chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD của Công ty, kế hoạch đầu tư phát triển; Công tác tuyển dụng lao động, công tác cán bộ và quy hoạch cán bộ, chế độ phúc lợi đối với người lao động (đặc biệt là công tác tiêm vacxin phòng Covid-19); Phát triển, quy hoạch hệ thống công nghệ thông tin; Quản lý kinh tế, tài chính và kiểm soát công tác thanh toán; Xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung điều lệ, các quy chế, quy định quản lý nội bộ; Lập phương án và thực hiện giảm giá nước năm 2021 cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi Covid-19...

- Là người phụ trách chung, chỉ đạo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người đại diện vốn nhà nước tại Công ty.
- Tham gia và cho ý kiến vào các kế hoạch, nghị quyết của HĐND Thành phố liên quan đến công tác bảo vệ và cải tạo nguồn nước, phát triển hạ tầng kỹ thuật và cấp nước sạch; Tham dự đầy đủ các hoạt động giám sát, cuộc họp của Ban đô thị, Tổ đại diện số 5 liên quan.
- Thay mặt HĐQT phối hợp tốt với Đảng ủy, Công đoàn và các đoàn thể.
- Tham gia và chủ trì tất các cuộc họp, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ khác được HĐQT phân công.

(2) Ông Trần Văn Dương - Phó Chủ tịch HĐQT

- Tham gia, cho ý kiến kịp thời và đầy đủ các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị được phân công đảm nhiệm và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch theo các nghị quyết đề ra trong lĩnh vực: kỹ thuật công nghệ; Chuẩn bị dự án đầu tư, phát triển/mở rộng hệ thống cấp nước, có phương án cấp nước kịp thời khi có nhu cầu đối với khu vực Thành phố đang xây dựng, phát triển, khu vực nông thôn; Chất lượng sản phẩm và chống thất thoát; Tối ưu hóa, nâng cao hiệu quả vận hành các NMN, phối hợp cấp nước liên quan đảm bảo cấp nước an toàn đầy đủ, sử dụng tiết kiệm và dự trữ các nguồn nước để ứng phó với việc khan hiếm nguồn nước thô trên đảo Cát Bà; Quản trị đơn vị thành viên.
- Là người phụ trách chung, chỉ đạo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.
- Tham gia cho ý kiến kịp thời công tác sản xuất nước, điều hành mạng lưới cấp nước; Công tác xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung điều lệ, các quy chế, quy định quản lý nội bộ để trình HĐQT ra quyết định thực hiện.
- Tham dự đủ các cuộc họp, Thực hiện các nhiệm vụ khác được HĐQT phân công.

(3) Ông Đặng Hữu Dũng, Thành viên HĐQT:

- Tham gia, cho ý kiến kịp thời và đầy đủ các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị được phân công đảm nhiệm và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch theo các nghị quyết đề ra trong lĩnh vực: xây dựng, quyết toán tiền lương; Quyết toán công trình xây dựng; Công tác kinh doanh tiêu thụ, chống thất thoát, phát triển khách hàng, mở rộng địa bàn cấp nước và chiến lược phát triển hệ thống cấp nước của Công ty; Cấp nước an toàn; Lập kế hoạch công tác hàng năm và kế hoạch trung hạn; Xây dựng phương án điều chỉnh giá nước cho giai đoạn tiếp theo; Quản trị đơn vị thành

viên; Xây dựng kịch bản phòng chống Covid-19, đảm bảo thích ứng với trạng thái bình thường mới.

- Là người phụ trách quản trị Công ty hỗ trợ công tác quản trị Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định liên quan.
- Tham gia cho ý kiến kịp thời trong công tác xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung điều lệ, các quy chế, quy định quản lý nội bộ để trình HĐQT ra quyết định thực hiện.
- Tham dự đủ các cuộc họp, Thực hiện các nhiệm vụ khác được HĐQT phân công.

(4) Ông Vũ Hồng Dương, Thành viên HĐQT:

- Tham gia, cho ý kiến kịp thời và đầy đủ các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị được phân công đảm nhiệm và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Chỉ đạo, cho ý kiến kịp thời trong công tác xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung điều lệ, các quy chế, quy định quản lý nội bộ để trình HĐQT ra quyết định thực hiện; Công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống cấp nước.
- Chỉ đạo, cho ý kiến kịp thời trong công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng, phát triển/mở rộng hệ thống cấp nước, đặc biệt phát triển cấp nước đón đầu các khu vực phát triển của Thành phố, khu vực nông thôn.
- Thường xuyên tham gia đóng góp ý kiến với Ban điều hành Công ty về các lĩnh vực: quản lý nội bộ, áp dụng công nghệ kỹ thuật trong quản trị chất lượng nước, bảo vệ nguồn nước.
- Tham dự đủ các cuộc họp, Thực hiện các nhiệm vụ khác được HĐQT phân công.

(5) Ông Nguyễn Đăng Ninh, Thành viên HĐQT:

- Tham gia, cho ý kiến kịp thời và đầy đủ các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị được phân công đảm nhiệm và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch theo các nghị quyết đề ra trong lĩnh vực: tài chính kế toán, thống kê (bao gồm cả các Công ty con và các chi nhánh trực thuộc); Theo dõi, giám sát, quản lý và sử dụng tài sản, nguồn vốn có hiệu quả và đảm bảo đúng nguyên tắc; Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện thu/chi theo chế độ kế toán, đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
- Chỉ đạo hoàn thiện số liệu, sổ sách, chứng từ để quyết toán, lập báo cáo tài chính định kỳ theo quy định.
- Tham dự đủ các cuộc họp, Thực hiện các nhiệm vụ khác được HĐQT phân công.

3. Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ hàng Quý với sự mở rộng tham gia dự họp của Ban Kiểm soát, Ban Điều hành để: xem xét, đánh giá

hoạt động SXKD, hoạt động của HĐQT, BĐH, BKS hàng quý; Kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý tiếp theo. Các cuộc họp chuyên đề khác để giải quyết các công việc theo thẩm quyền về công tác tổ chức, nhân sự, tài chính, đầu tư phát triển...; Tham gia 12 phiên họp thường kỳ hàng tháng với Ban Thường vụ Đảng ủy, BĐH Công ty và các phiên họp khác để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, BĐH.

Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy chế, quy định liên quan. Thông qua các cuộc họp, HĐQT đã ra các quyết định, nghị quyết chỉ đạo BĐH thực hiện các công việc cần thiết, đảm bảo hoàn thành kế hoạch công tác giúp hoạt động SXKD có hiệu quả, đem lại lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

(Chi tiết tham khảo báo cáo thường niên, báo cáo quản trị công ty năm 2021).

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT, Ban kiểm soát (BKS)

Thù lao của HĐQT, BKS được chi trả theo đúng Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 27/4/2021 của ĐHĐCĐ thường niên 2021. Tổng số tiền chi trả thù lao cho HĐQT, BKS trong năm 2021 là: 679.272.000 đồng. Trong đó: thù lao của HĐQT (05 người) là: 460.152.000 đồng; thù lao của BKS (03 người): 219.120.000 đồng.

Chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT, BKS thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước và Công ty.

(Chi tiết theo Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán).

5. Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC)

Căn cứ theo Nghị Quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 27/4/2021 của ĐHĐCĐ thường niên 2021, HĐQT đã thực hiện các thủ tục cần thiết để lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty. Đây là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, chi phí kiểm toán hợp lý, đảm bảo tiến độ và được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận kiểm toán và soát xét BCTC cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021 theo Quyết định số 1773/QĐ-BTC ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc, Ban Điều hành

6.1. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, các thành viên HĐQT thường xuyên chỉ đạo và theo dõi công tác điều hành SXKD của Tổng Giám đốc, phối hợp với Ban kiểm soát giám sát các vấn đề:

- Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 đề ra và việc thực hiện các Quyết định của HĐQT đã ban hành.

- Qua các cuộc họp của HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo tình hình SXKD cũng như phương hướng hoạt động điều hành trong thời gian tới để HĐQT xem xét/đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có chỉ đạo kịp thời; Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của doanh nghiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho mọi hoạt động SXKD của Công ty.

- Thông qua nội dung kiểm tra, đánh giá của BKS về tình hình tài chính và điều hành hoạt động SXKD của Tổng Giám đốc.

- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên đôn đốc/phối hợp Tổng Giám đốc kiểm tra giám sát các dự án mà Công ty đang triển khai xây dựng nhằm đưa vào sử dụng đúng tiến độ, phát huy hiệu quả đầu tư vốn.

6.2. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 27/4/2021, HĐQT luôn theo sát và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đạt nhiều nội dung kế hoạch đề ra. Năm 2021 Công ty đã hoàn thành và đạt các chỉ tiêu quan trọng, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 959,4 tỷ đồng, tăng 1,1% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 103,7 tỷ đồng, tăng khoảng 0,1% so với kế hoạch
- Tỷ lệ thất thoát: 10%/năm, giảm 1,8% so với kế hoạch.

Cổ tức và các quỹ đều được chi trả và trích lập theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và được sử dụng đúng quy định.

HĐQT đánh giá cao quá trình hoạt động Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã luôn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Công ty, cùng những nỗ lực/cố gắng để hoàn thành những mục tiêu quan trọng như: phát triển hệ thống cấp nước ra vùng nông thôn, các dự án/công trình đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện đúng tiến độ và phát huy hiệu quả ngay khi đưa vào sử dụng, triển khai thực hiện đa dạng hóa các hình thức thanh toán tiền nước, kiểm soát thất thoát, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong quá trình hoạt động... và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 các chỉ tiêu quan trọng đều đạt và vượt so kế hoạch mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đề ra.

II. Kế hoạch hoạt động năm 2022

1. Định hướng

- Đảm bảo cấp nước an toàn, kiểm soát tốt tỷ lệ thất thoát nước.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng ngang tầm với các công ty cấp nước hàng đầu cả nước và Châu Á.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2022

- Nước sản xuất:	84,94 triệu m^3
- Nước tiêu thụ:	76,67 triệu m^3
- Tổng doanh thu và thu nhập khác:	973,6 tỷ đồng
Trong đó: Doanh thu SXKD nước sạch:	*922,7 tỷ đồng*
- Lợi nhuận trước thuế:	103,8 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	85 tỷ đồng
- Thù lao của HĐQT, BKS:	679.272.000 đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ:	≥ 8,5% (Tối thiểu là 8,5%)

3. Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022

3.1. Công tác đầu tư xây dựng

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, đa dạng hóa các hình thức đầu tư, đảm bảo tỷ suất đầu tư hợp lý. Tiếp tục sử dụng linh hoạt các nguồn vốn vay, quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án.

- Thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công công trình, đúng trình tự xây dựng cơ bản.

- Tiếp tục triển khai dự án cấp nước nông thôn, dự án lắp đặt các tuyến ống chuyên tải và các dự án khác theo yêu cầu của Thành phố.

- Tiếp tục triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm trước và triển khai các dự án theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

(Chi tiết tại phụ lục kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022 kèm theo; Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty).

3.2. Công tác sản xuất, chất lượng nước

- Tăng cường kiểm soát chất lượng nước đầu vào; Tiếp tục nghiên cứu quy hoạch di chuyển vị trí điểm lấy nước thô, trạm bơm đầu nguồn… ứng phó với ô nhiễm nước nguồn diễn biến phức tạp, đặc biệt là tình trạng nhiễm mặn.

- Tăng cường ứng dụng các giải pháp kỹ thuật trong công tác xử lý nước; chuẩn bị các phương án vận hành tối ưu các NMN, có phương án đảm bảo kế hoạch cấp nước lâu dài tại Cát Bà; Tăng cường công tác an toàn lao động, phòng chống Covid-19, đảm bảo thích ứng với trạng thái bình thường mới.

3.3. Công tác kinh doanh tiêu thụ và dịch vụ khách hàng:

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và dịch vụ khách hàng.

- Tiếp tục triển khai đa dạng hóa các hình thức thanh toán tiền, khuyến khích người dân thanh toán không dùng tiền mặt theo đề án phát triển của Chính phủ và thành phố; Triển khai ứng dụng khách hàng tự đọc số nước online.

- Tăng cường công tác quản lý kinh doanh tiêu thụ, kiểm soát nước thất thoát, đảm bảo tỷ lệ thất thoát năm 2022 ≤ 11,7%; Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng, nâng cấp dịch vụ cấp nước theo tiêu chuẩn dịch vụ công; Phát triển dịch vụ cấp nước sau đồng hồ khách hàng.

- Thường xuyên kiểm soát đánh giá chất lượng dịch vụ khách hàng, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ khách hàng, giữ gìn hình ảnh, uy tín của Công ty, có chế tài để thưởng phạt nhằm khuyến khích nhân viên phục vụ khách hàng tốt hơn.

3.4. Công tác đào tạo, phát triển nhân lực:

- Đổi mới công tác đào tạo, tăng cường kinh phí dành cho đào tạo, nhất là đối với cán bộ quản lý.

- Kết hợp nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với từng đối tượng, chú trọng đào tạo công tác thực hành, các kỹ năng mềm.

- Tiếp tục thực hiện việc luân chuyển cán bộ trong nội bộ để cán bộ trải qua nhiều chức danh, giúp cho đội ngũ cán bộ nhanh chóng trưởng thành và có kiến thức, năng lực toàn diện hơn.

3.5. Công tác kế toán tài chính, cân đối và sử dụng vốn:

- Thực hiện điều chỉnh giá bán nước sạch giai đoạn 2022-2024 theo phương án được UBND Thành phố phê duyệt.

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

- Tăng cường công tác về quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với các thông tin minh bạch, chính xác.

- Tái cấu trúc nguồn vốn để đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty.

- Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí sản xuất kinh doanh.

3.5. Các hoạt động khác

- Thực hiện công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp theo chủ trương của Chính phủ và Thành phố.

- Tiếp tục tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động SXKD để mang lại hiệu quả cao hơn trong công việc.

- Tiếp tục thực hiện tinh giảm bộ máy, cơ cấu tổ chức, nhân sự. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực.

- Thực hiện kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao theo quyết định của UBND Thành phố. Thực hiện sử dụng lao động, chế độ tuyển dụng, đào tạo theo quy định

của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty; Tiếp tục cải cách hình thức trả lương cho CBCNV.

- Luôn quan tâm, đảm bảo quyền lợi và không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên; Sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty để khen thưởng, thực hiện các hoạt động phúc lợi, động viên khích lệ người lao động hăng say trong công việc.

- Chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh bổ sung các quy chế, quy định nội bộ của Công ty phù hợp các quy định mới hiện hành cũng như tình hình thực tiễn của Công ty.

(Chi tiết khác theo Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty và Báo cáo Tài chính 2021 đã được kiểm toán).

III. Đánh giá và kết luận

Trong năm 2021, mặc dù gặp phải nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường; tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn cũng như ô nhiễm nguồn nước ngày càng gia tăng do biến đổi khí hậu, nước biển dâng; chi phí đầu vào tăng... HĐQT đã nỗ lực chỉ đạo, giám sát, điều hành doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển bền vững và hoàn thành các chỉ tiêu SXKD mà ĐHĐCĐ đặt ra. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện công việc vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Nhà nước.

HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ biểu dương tinh thần đoàn kết và sự cố gắng của các thành viên HĐQT, BKS, BĐH và toàn thể CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021.

HĐQT sẽ tiếp tục cùng BĐH và CBCNV Công ty nỗ lực phấn đấu để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022. Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 xem xét thông qua.

Nơi nhận:
- Các Cổ đông;
- BĐH, BTC ĐHĐCĐ;
- BKS, CTCĐ;
- Lưu: BTK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Việt Cường

PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-HĐQT ngày 26/4/2022 của HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua)

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
A. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM TRƯỚC	
I.1. Khu vực các quận trung tâm	
1	Xây dựng Trạm bơm tăng áp Đình Vũ - Dự án đầu tư xây dựng HTCN ra đảo Cát Hải
2	Xây dựng dây chuyền xử lý ép bùn NMN An Dương
3	Xây dựng tuyến ống nước thô D1000 đường Tôn Đức Thắng từ Ngã tư cơ điện - cầu An Dương
I.2. Khu vực quận Đồ Sơn, Dương Kinh, Kiến Thụy	
4	Xây dựng tuyến ống cấp nước D800 đường 353 (từ cống Hòa Bình đến nút giao cao tốc HN-HP).
I.3. Khu vực quận Kiến An, An Lão, Tiên Lãng	
5	Xây dựng tuyến ống cấp nước chuyên tải D400 đường 354 từ ngã ba đường 362 đến Cụm công nghiệp thị trấn Tiên Lãng.
6	Xây dựng tuyến ống xi phông HDPE DN450 qua sông Văn Úc
7	Cấp nước xã An Thọ, huyện An Lão
I.4. Khu vực An Dương, Thuỷ Nguyên	
8	Cải tạo bể phản ứng, bể lắng NMN Vật Cách, chi nhánh cấp nước HP3
9	Xây dựng tuyến ống HDPE DN450-DN355 (qua sông Giá) liên thông cấp nước NMN Ngũ Lão - NMN Minh Đức
10	Xây dựng tuyến ống D300 đường Máng Nước (từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường 351)
I.5. Khu vực huyện Vĩnh Bảo, Cát Hải, Bạch Long Vĩ	
11	Xây dựng nhà máy nước công suất 5.000m3/ngày, bể chứa nước sạch 1.000m3 xã Xuân Đám, huyện Cát Hải
12	Cấp nước đảo Bạch Long Vĩ
B. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN THỰC HIỆN NĂM 2022	
I.1. Khu vực các quận	
1	Xây dựng trạm bơm nước thô và cụm xử lý công suất 100.000m3/ngày nhà máy nước Cầu Nguyệt
2	Xây dựng trạm bơm nước sạch nhà máy nước Cầu Nguyệt
3	Xây dựng dây chuyền xử lý ép bùn nhà máy nước Cầu Nguyệt
4	Nâng cấp các trạm bơm, công trình quản lý, xử lý của các nhà máy nước, trạm bơm tăng áp trong khu vực các quận
5	Xây dựng tuyến ống D500 tuyến đường bộ ven biển (từ đường tỉnh lộ 353 đến sông Văn Úc)
6	Xây dựng tuyến ống D400 cấp nước bến số 3-4 Cảng Lạch Huyện
7	Xây dựng tuyến ống D400 tuyến đường nối đường bộ ven biển đến ngã 3 Vạn Bún
8	Xây dựng tuyến ống cấp nước D300 đường liên phường quận Hải An đến KCN Nam Tràng Cát
9	Cấp nước các Khu đô thị mới, khu cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung trên địa bàn các quận

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
10	Xây dựng tuyến ống truyền tải cấp nước liên thông khu vực Đình Vũ - Tràng Cát - Dương Kinh - Đồ Sơn.
11	Các tuyến ống truyền tải liên thông cấp nước an toàn nối các khu vực Đồ Sơn, Dương Kinh, Hải An, Kiến An, An Dương với khu vực Trung tâm.
12	Các tuyến ống truyền tải liên thông cấp nước an toàn mạng lưới cấp nước khu vực trung tâm các quận Lê Chân, Ngô Quyền, Hồng Bàng, Hải An.
13	Xây dựng một số tuyến ống truyền tải theo các tuyến đường đại lộ Đông Tây,, đường mương An Kim Hải, Vành đai 2,..... phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước
II.2. Khu vực các huyện	
15	Xây dựng Bể lọc tiếp xúc sinh học U-BCF nhà máy nước Vật Cách.
16	Nâng cấp các trạm bơm, công trình quản lý, xử lý của các nhà máy nước, trạm bơm tăng áp trong khu vực các huyện
17	Xây dựng tuyến ống D400 đường TL354 (đoạn từ Cụm công nghiệp thị trấn Tiên Lãng đến cầu Minh Đức)
18	Cấp nước các Khu đô thị mới, khu cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung trên địa bàn các huyện, mở rộng mạng lưới cấp nước
19	Xây dựng một số tuyến ống truyền tải liên thông cấp nước an toàn giữa khu vực NMN Cầu Nguyệt, NMN Vật Cách, NMN Hưng Đạo, NMN Ngũ Lão, NMN Vĩnh Bảo
20	Xây dựng các tuyến ống chuyên tải liên thông cấp nước giữa các xã đảo Cát Hải (Phù Long - Hiền Hào - Xuân Đám - Trân Châu - TT Cát Bà).
21	Xây dựng các đơn nguyên dây chuyền xử lý nước biển, nước lợ tiếp theo đảm bảo công tác cấp nước đảo Cát Bà, đảo Bạch Long Vĩ
22	Nâng cấp hệ thống truyền dẫn mạng lưới cấp nước khu vực đảo Cát Hải.
23	Cấp nước thị trấn Cát Hải, các khu vực nông thôn và các khu vực khác

Ghi chú: Kế hoạch đầu tư phát triển nói trên là cơ sở để HĐQT quyết định chủ trương đầu tư các dự án cụ thể khi có đủ điều kiện theo quy định và tình hình cụ thể của công ty.

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Số: /BC-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, TGĐ, BKS NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

Căn cứ nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 39/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 27/4/2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ, BKS năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;

1. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát

1.1 Số lượng và cơ cấu thành viên của Ban kiểm soát: Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên:

(1) Bà Lê Thị Hương: Trưởng Ban kiểm soát

(2) Bà Đỗ Thị Thanh Diệp: Thành viên

(3) Ông Nguyễn Minh Hoàng: Thành viên

1.2. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2021, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ đến từng thành viên, tổ chức các cuộc họp hàng quý bao gồm đầy dủ các thành viên Ban kiểm soát tham gia, đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin giữa các thành viên để triển khai các nội dung công việc theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Ban kiểm soát.

Thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc tuân thủ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2021, việc chấp hành các quy định của Pháp luật, các quy chế, quy định trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2021. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của Nhà nước, quy định nội bộ của Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp, của người

lao động và của cổ đông.

Xem xét BCTC quý, 6 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời phối hợp với công ty kiểm toán độc lập trong công tác soát xét và kiểm toán BCTC.

Ban kiểm soát tham gia đầy đủ 4 phiên họp thường kỳ hàng quý HĐQT, tham gia 12 phiên họp thường kỳ hàng tháng với HĐQT, BĐH, Ban thường vụ Đảng ủy và các phiên họp khác.

Kiểm tra giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban điều hành Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung điều lệ và các quy chế.

Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ.

Lương, thưởng, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Ban kiểm soát được thực hiện theo Quy chế trả lương của Công ty, phù hợp với quy định, hướng dẫn của Nghị định 53/2016/NĐ-CP và thông tư số 28/2016/TTBLĐTBXH của Bộ lao động thương binh xã hội hướng dẫn thi hành nghị định 53/2016/NĐ-CP. Tổng thù lao của Ban kiểm soát bao gồm thuế TNCN phát sinh trong năm 2021 là: 219.120.000 đồng. Số tiền thù lao Ban kiểm soát đã được thông qua tại Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 27/04/2021 của ĐHĐCĐ thường niên 2021

1.3. Tự đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát:

Với tinh thần trách nhiệm cao, trong quá trình hoạt động các thành viên của Ban Kiểm soát đã thực hiện việc kiểm soát một cách độc lập, khách quan, hoàn thành nhiệm vụ năm 2021. Ban kiểm soát đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, cụ thể:

1. Lê Thị Hương - Trưởng Ban: Thực hiện các công việc của Trưởng Ban theo quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Phụ trách chung công việc của Ban kiểm soát. Thực hiện việc giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành Công ty trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực hiện xem xét BCTC quý, 6 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính, phụ trách lập các báo cáo của Ban Kiểm soát. Tổ chức các cuộc họp của Ban kiểm soát, tổng hợp ý kiến của các thành viên Ban kiểm soát và các công việc khác theo quy định.

2. Đỗ Thị Thanh Diệp - Thành viên: Cùng trưởng ban kiểm soát thực hiện xem xét báo cáo tài chính hàng quý/năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Tham dự các

cuộc họp của Ban kiểm soát. Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Nguyễn Minh Hoàng - Thành viên: Cùng trưởng ban kiểm soát thực hiện xem xét báo cáo tài chính hàng quý/năm, kiểm tra tính hợp lý,trung thực của các số liệu tài chính và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, diều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tính thống nhất, nhất quan và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Rà soát kiểm tra và đánh giá hiệu quả, hiệu lực của kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản ý rủi ro của Công ty. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát. Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty

2.1 Kết quả sản xuất kinh danh năm 2021

Bảng 1: Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)/(4)
1	Nước sản xuất	Triệu m3	83,87	83,0	99,0%
2	Nước tiêu thụ	Triệu m3	74,76	74,9	100,1%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	948,7	959,4	101,1%
	Trong đó: Doanh thu SXKD nước sạch	Tỷ đồng	902,6	897,9	99,5%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	103,6	103,7	100,1%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	84,6	84,9	100,3%
6	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (dự kiến)	%	8,5%	8,5%	100%

Bảng 2: Tình hình tài chính năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
Tổng giá trị tài sản	2.261.179	2.501.558
Tổng nợ phải trả	1.293.523	1.539.151
Vốn chủ sở hữu	967.656	962.406
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	919.485	899.039
Doanh thu hoạt động tài chính	29.114	18.552
Thu nhập khác	10.755	12.861

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
Tổng chi phí	855.664	826.901
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.690	103.551
Lợi nhuận sau thuế TNDN	84.862	84.533

Năm 2021, Công ty đã sản xuất được 83,0 triệu m^3 nước, đạt 99% so với kế hoạch năm; nước tiêu thụ là 74,9 triệu m^3, đạt 100,1% so với kế hoạch năm; tổng doanh thu và thu nhập khác là 959,3 tỷ đồng, đạt 101,1% so với kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế là 84,9 tỷ đồng, đạt 100,3% kế hoạch năm, tổng số tiền nộp ngân sách là 222,9 tỷ đồng (bao gồm cả giá dịch vụ thoát nước, phí môi trường rừng, tiền cổ tức).

Tổng doanh thu tiền nước là 897,9 tỷ đồng đạt 99,5% so với kế hoạch. Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và UBND Thành phố Hải Phòng về các biện pháp nhằm giảm bớt khó khăn do dịch bệnh Covid-19, Công ty miễn giảm tiền nước cho các hộ nghèo, cận nghèo, khu cách ly tập trung với tổng số tiền 1,3 tỷ đồng làm giảm doanh thu tiền nước của Công ty 1,3 tỷ đồng.

Trong năm, Công ty phát triển được thêm 10.556 khách hàng, nâng số khách hàng hiện nay lên 342.182 khách hàng. Để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng ngày càng cao, Công ty đã đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước. Đối với dự án Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước Hải Phòng – giai đoạn 2 vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á, năm 2021 dự án đã được Sở tài chính phê duyệt quyết toán tại quyết định số 52/QĐ-STC ngày 17/12/2021 về việc phê duyệt quyết toán dự án Đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Hải Phòng giai đoạn 2 (Vay vốn ADB). Dự án Đầu tư nâng cấp Nhà máy nước An Dương sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Nhật Bản đã hoàn thành đưa vào sử dụng, dự án đang được Sở Tài Chính thẩm định quyết toán. Ngoài ra, năm 2021 Công ty triển khai và hoàn thành đưa vào sử dụng một số dự án: Xây dựng bể chứa nước sạch 6.000 m3 Nhà máy nước Cầu Nguyệt; Tuyến ống D500 đường 353 (nút cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đến khu công nghiệp Đồ Sơn); Tuyến ống D500 đường 353 từ Khu công nghiệp Đồ Sơn đến bệnh viện Đa khoa Đồ Sơn; Tuyến ống cấp nước D400 đường Hồ Sen; Công trình xử lý nước biển công suất 1.500 m3 số 2 Nhà máy nước Cái Giá; Cấp nước xã Ngũ Phúc huyện Kiến Thụy; Tuyến ống D300 xã Du Lễ, Ngũ Phúc và một số công trình khác theo kế hoạch.

Trong năm 2021 Công ty đã bán nước sạch cho Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2 với giá trị khoảng 2,2 tỷ đồng (bao gồm thuế GTGT) để giúp Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2 duy trì hoạt động SXKD ổn định, đảm bảo cấp nước an toàn đến người dân. Tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước năm 2021 bao gồm thuế phải nộp, giá dịch vụ thoát nước thu hộ, phí cấp quyền khai thác tài nguyên và các khoản phải nộp khác là: 222.858 triệu đồng.

2.2 Thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2021

Trong năm 2021 Công ty đã trích lập các quỹ, thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 theo tỷ lệ 8%/vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua:

- Trích Quỹ Đầu tư phát triển: 4.190.144.435 đồng

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 20.247.192.258 đồng

- Tổng số cổ tức chi trả là 59.365.552.000 (trong đó chuyển trả cổ tức cho nhà nước là 47.838.272.000 đồng).

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 so với kế hoạch năm 2021 tại Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 27/04/2021 của ĐHĐCĐ thường niên 2021 cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch. Chi tiết theo bảng 1.

Thù lao của HĐQT, BKS được chi trả theo đúng Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 27/04/2021 của ĐHĐCĐ thường niên 2021. Tổng số tiền chi trả thù lao cho HĐQT, BKS trong năm 2021 là: 679.272.000 đồng. Trong đó: thù lao của HĐQT (05 người) là: 460.152.000 đồng; thù lao của Ban Kiểm soát (03 người): 219.120.000 đồng.

Năm 2021, đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính là Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

2.3 Báo cáo Tài chính năm 2021

BCTC năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC. Theo ý kiến của kiểm toán viên: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty thực hiện niên độ kế toán năm 2021 từ ngày 1/1/2021 và kết thúc ngày 31/12/2021, lập báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; thuyết minh báo cáo tài chính.

Bảng 3: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,71	1,12
Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,51	1,02
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Tỷ lệ TSNH/ tổng tài sản	%	18,3	20,5

Tỷ lệ nợ/Tổng tài sản	%	57,2	61,5
Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu	%	133,7	159,9
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	8,8	8,8
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,2	9,4
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,8	3,4

Nhìn chung, tình hình tài chính và dòng tiền của Công ty tốt, đảm bảo khả năng thanh toán kịp thời và an toàn cao hơn năm 2020. Cơ cấu tài sản nguồn vốn cân đối. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh tăng mạnh so với năm trước thể hiện sự ổn định trong hoạt động kinh doanh, Công ty đảm bảo được nguồn vốn lưu động thường xuyên để tài trợ cho tài sản lưu động sử dụng cho hoạt động kinh doanh.

Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm thể hiện việc chi trả các khoản nợ kịp thời, đúng hạn, áp lực thanh toán giảm tốt hơn năm trước.

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản tăng chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản và vốn của Công ty tốt. Hiệu quả sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu vẫn được duy trì ở mức ổn định.

Tại ngày 31/12/2021, giá trị tổng tài sản Công ty đạt 2.261.179 triệu đồng. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản là 18,3%; tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản là 81,7% phản ánh mức độ kinh doanh ổn định lâu dài của Công ty.

Nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2021 là 1.293.523 triệu đồng, chiếm 57,2% tổng tài sản. Cơ cấu nợ phải trả bao gồm các khoản vay các ngân hàng nước ngoài và các tổ chức tín dụng trong nước để thực hiện các dự án đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, các khoản phải trả người bán, phải trả người lao động và các khoản phải trả khác. Các khoản này đều được dự kiến thanh toán đủ và đúng thời hạn quy định.

3. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã bầu ra Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên cho nhiệm kỳ 2020-2025:

(1) Ông Trần Việt Cường – Chủ tịch HĐQT

(2) Ông Trần Văn Dương – Phó chủ tịch HĐQT

(3) Ông Đặng Hữu Dũng – Thành viên HĐQT

(4) Ông Vũ Hồng Dương - Thành viên HĐQT

(5) Ông Nguyễn Đăng Ninh - Thành viên HĐQT

Năm 2021 hoạt động của HĐQT phù hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát, chỉ đạo Ban điều hành, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường ngày của Công ty. Cụ thể như sau:

Trong năm 2021 HĐQT đã tổ chức thành công ĐHCĐ và thông qua chương trình, nội dung theo quy định tại ĐHCĐ thường niên năm 2021 vào tháng 04/2021. HĐQT nhất trí thông qua nội dung về chi trả cổ tức bằng tiền năm 2020 (thời gian chốt quyền, thời gian thanh toán, địa điểm thanh toán);

HĐQT đã giám sát và chỉ đạo kịp thời Ban điều hành trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc giám sát Ban điều hành đã đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, triển khai thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông, các quyết định của HĐQT.

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo quy định tại quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của Pháp luật. Các cuộc họp đều có đầy đủ các thành viên tham dự và lập biên bản, về các nội dung thuộc thẩm quyền như: báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý và lũy kế từ đầu năm, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên trong HĐQT, Chủ trương đầu tư xây dựng các dự án Cấp nước, đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu vực nông thôn, đầu tư thực hiện dự án Cấp nước huyện đạo Bạch Long Vĩ; tiếp tục nghiên cứu các biện pháp bảo vệ nguồn nước, kết hợp với việc tìm kiếm các nguồn nước dự phòng trong trường hợp cần thiết, chỉ đạo xây dựng kế hoạch công tác năm 2022 theo tình hình thực tế, tiếp tục chỉ đạo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người đại diện vốn đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty mẹ tại Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2 Hải phòng và các nội dung khác theo thẩm quyền.

Trong năm 2021, HĐQT đã có các quyết định để phù hợp với hoạt động của công ty như: Quyết định miễn nhiệm, cử, cử lại người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn đầu tư và giữ chức vụ quản lý tại Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2; Quyết định ban hành quy chế kiểm toán nội bộ, Quyết định chỉ định Trưởng ban thư ký công ty, Quyết định chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, quyết định ban hành quy chế Công bố thông tin, quy chế thanh lý, nhượng bán tài sản; Quyết định chỉ định người phụ trách quản trị Công ty; Quyết định kéo dài thời hạn bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định; quyết định thành lập Ban thanh lý các vật tư, tài sản giá trị sổ sách bằng không đồng và không có giá trị sử dụng.

4. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Điều hành

Trong năm 2021, Ban điều hành đã tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư và các hoạt động khác để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, các mục tiêu hoạt động của Công ty.

Căn cứ, bám sát vào Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên, các Quyết định của HĐQT, Ban Điều hành đã thực hiện triển khai vào từng lĩnh vực, đưa ra các quyết sách kịp thời, phù hợp với từng thời điểm, điều kiện cụ thể, ứng phó với những khó khăn do khách quan mang lại: do dịch bệnh Covid-19, do ô nhiễm nguồn nước, biến đổi khí hậu để hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành các chỉ

tiêu kế hoạch, đảm bảo mục tiêu cấp nước an toàn, nâng cao chất lượng nước, đảm bảo lợi ích cho người lao động và phát triển công ty bền vững.

Trong lĩnh vực sản xuất, chất lượng nước, Ban điều hành đặc biệt chú trọng công tác cấp nước an toàn, sản xuất nước ổn định đảm bảo cấp nước đầy dủ đạt quy chuẩn cho nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng.

Ban Điều hành Công ty đã tập trung cải cách các thủ tục, quy trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản trị doanh nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh như: theo dõi mạng lưới cấp nước, chăm sóc khách hàng, thanh toán hóa đơn, đọc số đồng hồ… giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng cấp nước.

5. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với HĐQT, Ban điều hành Công ty. Ban Kiểm soát đã được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp HĐQT, các cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác, được tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến Báo cáo Tài chính, các tài liệu kế toán, Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban điều hành và các phòng ban chuyên môn của Công ty tạo điều kiện và hỗ trợ để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

6. Kết luận và kiến nghị

Thông qua hoạt động kiểm soát năm 2021 cho thấy, hoạt động của Công ty đúng định hướng nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, cơ bản hoàn thành kế hoạch, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và ổn định. Ban điều hành đã lãnh đạo toàn thể người lao động nỗ lực không ngừng vì sự phát triển của Công ty. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chính sách cho người lao động, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, thực hiện tốt việc chi trả cổ tức cho cổ đông. Bên cạnh đó công ty chấp hành chế độ báo cáo và hạch toán kế toán theo quy định hiện hành.

Để công ty phát triển bền vững và chuyên nghiệp, Công ty có cơ chế tuyển dụng nguồn nhân lực có đủ phẩm chất, đạo đức, trình độ chuyên môn cao để đáp ứng công việc trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác xử lý, vận hành, sản xuất nước hiệu quả, an toàn với đòi hỏi chất lượng nước, chất lượng dịch vụ ngày càng cao.

Hội đồng quản trị cần thường xuyên rà soát, tiếp tục định hướng đưa ra các quyết định, chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty phù hợp với quy hoạch của thành phố, dự kiến các nguồn lực của Công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo phát triển ổn định và bền vững, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban điều hành tiếp tục thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra giám sát người lao động thực hiện đúng quy trình, quy định, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tuân thủ các quy định của người lao động trong quá trình làm việc, tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi quá trình vận hành sản xuất nước để sớm phát hiện những bất thường, kịp thời khắc phục đảm bảo cấp nước an toàn. Ngoài ra, công ty cần gắn kết hoạt động quản lý rủi ro với quy trình hoạt động của Công ty, xây dựng chính sách và chiến lược quản lý rủi ro, ứng phó với các rủi ro. Các đơn vị có trách nhiệm trong việc quản lý rủi ro hàng ngày, nhận thức, tuyên truyền trong đơn vị và báo cáo lãnh đạo Công ty kịp thời. Đồng thời, công ty kiểm soát chặt chẽ, tiết kiệm các chi phí nhằm đảm bảo lợi nhuận theo kế hoạch, đảm bảo nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng nguồn lực hợp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động, nhất là trong điều kiện giá nước giai đoạn mới chưa được áp dụng. Đối với công tác quản lý công nợ phải thu, phải trả cần tiếp tục rà soát, đối chiếu, theo dõi để có phương án xử lý kịp thời theo đúng quy định. Ngoài ra, trong quá trình sản xuất kinh doanh, cần tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho. Trong công tác đầu tư xây dựng và sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, tiếp tục tăng cường công tác quản lý, đôn đốc đảm bảo tiến độ, nâng cao chất lượng, thực hiện các công việc theo quy trình, quy định.

Tại các đơn vị những vướng mắc, những phát sinh, sự cố trong khi thực hiện công việc được giao phải báo cáo kịp thời cho Ban lãnh đạo Công ty để nhận được ý kiến chỉ đạo tổ chức thực hiện. Những việc phát sinh, sự cố cần được tuyên truyền đến người lao động, cẩn trọng và rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, trong tổ chức vận hành, xử lý hệ thống cấp nước và các hoạt động khác phải liên tục cập nhật, ghi chép cụ thể đầy đủ thông tin, chính xác kịp thời theo quy định.

Với những khó khăn trong công tác sản xuất nước, đảm bảo an ninh an toàn nguồn nước, tình trạng hạn hán xâm nhập mặn cũng như ô nhiễm nguồn nước, công ty cần tiếp tục có các phương án cần thiết trong việc xử lý, tuyên truyền, nâng cao công tác kiểm tra, kiểm soát nguồn nước, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, phối hợp với các cơ quan nhà nước, các công ty thủy lợi và các đơn vị liên quan trong việc khai thác sử dụng nguồn nước an toàn.

7. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, kế hoạch hoạt động trong năm 2022 như sau:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Xem xét tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm 2022 của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty. Thực hiện các báo cáo định kỳ của Ban kiểm soát. Tiếp tục duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các phòng ban trong Công ty.

Thực hiện các công việc khác theo quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định có liên quan.

Trên đây là báo cáo của ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ, BKS năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Lê Thị Hương

Nơi nhận:
- Các cổ đông;
- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên Ban KS;
- Các thành viên Ban TGĐ;
- Ban Thư ký Công ty;
- Lưu BKS, BTK.

ĐH2022-10

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-HĐQT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2021

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 76/BB-HĐQT ngày 23/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 cụ thể như sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	959.354.124.255
	Trong đó: Doanh thu SXKD nước sạch	*Đồng*	897.926.255.354
2	Tổng chi phí	Đồng	855.663.911.969
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	103.690.212.286
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	84.862.357.099

2. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2021

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Trong đó:	Đồng	85.592.354.300
1.1	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020*	*Đồng*	*729.997.201*
1.2	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021*	*Đồng*	*84.862.357.099*
2	Trích Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	4.279.617.715
3	Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	17.936.837.585
4	Trích Quỹ thưởng của người quản lý Công ty	Đồng	300.000.000
5	Chia cổ tức 8,5%/Vốn điều lệ (Tương ứng 850 đồng/cổ phần)	Đồng	63.075.899.000

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:
- Các Cổ đông;
- HĐQT,BĐH, BTC ĐHĐCĐ;
- BKS, CTCĐ;
- Lưu: BTK, VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Việt Cường

ĐH2022-11

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-HĐQT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Quyết toán thù lao năm 2021 và phương án chi trả thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

Căn cứ theo Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 76/BB-HĐQT ngày 23/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) để thông qua quyết toán thù lao năm 2021 và phương án chi trả thù lao năm 2022 của HĐQT, Ban kiểm soát (BKS) như sau:

1. Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2021

Mức thù lao chi trả cho HĐQT, BKS năm 2021 được căn cứ theo Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 27/4/2021 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; Quyết định số 42/QĐ-HĐQT ngày 27/4/2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

Tổng mức thù lao của HĐQT, BKS trong năm 2021 là **679.272.000 đồng**. Trong đó:

- Thù lao của HĐQT gồm 05 thành viên là: 460.152.000 đồng
- Thù lao của BKS gồm 03 thành viên là: 219.120.000 đồng

2. Phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2022

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và phương hướng hoạt động của HĐQT, BKS năm 2022, HĐQT đề xuất tổng mức chi trả thù lao cho HĐQT (05 thành viên), BKS (03 thành viên) Công ty năm 2022 là **679.272.000 đồng** (Bằng năm 2021).

Cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT mức: 9.130.000 đ/tháng
- Thành viên HĐQT, Trưởng BKS mức: 80% mức thù lao Chủ tịch HĐQT
- Thù lao của thành viên BKS mức: 60% mức thù lao Chủ tịch HĐQT

Phương thức trả thù lao: Thực hiện thanh toán hàng tháng thù lao và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính. HĐQT sẽ quyết toán tổng tiền thù lao và báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Xin kính trình Đại hội!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Việt Cường

ĐH2022-12

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-HĐQT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về việc lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập ngày 29/3/2011; Nghị định số 17/2012/BĐ-CP ngày 13/02/2012 hướng dẫn thi hành Luật kiểm toán độc lập; Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính ban Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ theo Quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 76/BB-HĐQT ngày 23/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

(1) Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán theo Quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022.

(2) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quy trình lựa chọn 01 trong các Công ty kiểm toán theo Quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính là đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

Xin kính trình Đại hội!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Việt Cường

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2141/QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;

Căn cứ Nghị định 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/07/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho 40 doanh nghiệp kiểm toán và 1.005 kiểm toán viên hành nghề có tên trong danh sách kèm theo được thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng khác quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 của Chính phủ) trong năm 2022 kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

Điều 2. Các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận có trách nhiệm tuân thủ đúng các quy định về kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định tại Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 của Chính phủ) và Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- UBCKNN;
- Lưu: VT, Cục QLKT (45).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ GIÁM SÁT KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Lê Thị Tuyết Nhung

DANH SÁCH TỔ CHỨC KIỂM TOÁN ĐƯỢC CHẤP THUẬN
THỰC HIỆN KIỂM TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ Tài chính)

STT	Tên tổ chức kiểm toán	Tên viết tắt	Địa chỉ trụ sở
1	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Deloitte Vietnam Co., Ltd	Tầng 15 - Tòa nhà Vinaconex - Số 34 Láng Hạ - Phường Láng Hạ - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội
2	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	AASC., Ltd	Số 1, Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
3	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam		Số 2, Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
4	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành Phố Hồ Chí Minh	AISC	Số 389A Điện Biên Phủ, Phường 04, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
5	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	PwC (Vietnam)	Số 29, đường Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
6	Công ty TNHH KPMG	KPMG	Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi landmark Tower, tòa nhà 72 tầng, lô E6, đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
7	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	A&C Co.,Ltd	02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
8	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam	AFC Viet Nam Co., Ltd	Tầng 2, số 04 Nguyễn Đình Chiểu - Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
9	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC	AAC	Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
10	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	CPA Hanoi Co., Ltd	Số 3, ngõ 1295 đường Giải Phóng, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
11	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam	RSM VIET NAM	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
12	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	VAE Co., Ltd	Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, 165 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
13	Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt	VietLand Co.,Ltd	02 Huỳnh Khương Ninh, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Tên tổ chức kiểm toán	Tên viết tắt	Địa chỉ trụ sở
14	Công ty TNHH Kiểm toán BDO	BDO AUDIT Co.,Ltd	Tầng 20, Tòa nhà ICON 4, Số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
15	Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam	DFK Vietnam Co., Ltd	45 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
16	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K	TL - TDK Co., Ltd	Sàn KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT- CAHN, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
17	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC	ATC FIRM Co., Ltd	Tòa nhà ATC, Lô D12, Khu đấu giá quyền sử dụng đất Vạn Phúc, Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
18	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	ANVIET CPA Co., Ltd	Tầng 12, Tòa nhà số 167 Phố Bùi Thị Xuân, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
19	Công ty TNHH Tư vấn - Kiểm toán S&S	S&S Co.,Ltd	41 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
20	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)	Grant Thornton (Vietnam) Co., Ltd	Tầng 18 Tòa tháp Quốc tế Hòa Bình, Số 106 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
21	Công ty TNHH Tư vấn Kế toán Tài chính - Thuế Kiểm toán COM.PT	COM.PT Co., Ltd	B 202, Số 46 Trần Hưng Đạo, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
22	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt	VIETVALUS Co., Ltd	33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
23	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế	ICPA Co., Ltd	Tầng 15 Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
24	Công ty TNHH Kiểm toán FAC	FAC Co., Ltd	64/4 Đường ĐHT 21, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
25	Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt	SV Co., Ltd	386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
26	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY	UHY Co., Ltd	Tầng 5 (tầng văn phòng) Tháp B2 tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

STT	Tên tổ chức kiểm toán	Tên viết tắt	Địa chỉ trụ sở
27	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	NTV Co.,Ltd	Số 8, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
28	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam	AVA Co., Ltd	Tầng 14, Tòa nhà SUDICO, đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
29	Công ty TNHH Kiểm toán TTP	TTP AUDITING Co., Ltd	Tầng 12 Tháp Tây Hancorp Plaza, số 72 đường Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
30	Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM	CPA VIET NAM	Tầng 8 tòa nhà VG, 235 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
31	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam	AASCS Co., Ltd	Số 29 Võ Thị Sáu ,Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
32	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO	ASCOFIRM	Số 02 Ngõ 308 Lê Trọng Tấn - Phường Khương Mai - Quận Thanh Xuân - TP. Hà Nội
33	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt	AASCN Co.,Ltd	29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
34	Công ty TNHH Kiểm toán VACO	VACOLLC Co., Ltd	Tầng 12A, Tòa nhà Tổng công ty 319, số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
35	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc	VAAL	Lầu 21, Tòa nhà Sài Gòn Centre 2, 67 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
36	Công ty TNHH Kiểm toán Immanuel		VP304-VP308 Tầng 3, Tòa nhà Dreamland Bonanza, Số 23 Phố Duy Tân, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội
37	Công ty TNHH Crowe Việt Nam	Crowe Vietnam	Phòng 1205 - Tầng 12 - Tòa nhà IPH - Số 241 Xuân Thủy - Phường Dịch Vọng Hậu - Quận Cầu Giấy - TP Hà Nội
38	Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam		27 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
39	Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM	ECOVIS AFA VIETNAM	142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
40	Công ty TNHH PKF Việt Nam	PKF Viet Nam Co., Ltd	Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

ĐH2022-13.1

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-HĐQT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động lần thứ 3 của Công ty

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ theo Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 76/BB-HĐQT ngày 23/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bản dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi và bổ sung lần thứ 3) *(Chi tiết tài liệu kèm theo).*

(Nội dung bản dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi và bổ sung lần thứ 3 đã được công bố thông tin theo quy định, đăng tải trên website của Công ty và thông báo tới các quý cổ đông trong thông báo mời họp.)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Việt Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG LẦN THỨ 3

Hải Phòng, tháng 04 năm 2022

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LẦN THỨ 3

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Luật Chứng khoán số54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Những văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;

Các phụ lục của Điều lệ này và các văn bản sửa đổi Điều lệ là một phần không thể tách rời của Điều lệ. Điều lệ này và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bản Điều lệ này cùng với các quy định của hệ thống pháp luật Nhà nước sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng họp ngày ..../4/2022 thống nhất thông qua và chấp nhận sửa đổi, bổ sung một số điều tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 03 năm 2015; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần thứ nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 07 năm 2016; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần thứ hai đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2019 như sau:

Điều 1. Sửa đổi mục 1.1 khoản 1, sửa đổi mục 1.2 khoản 1, sửa đổi mục 1.4 khoản 1, sửa đổi mục 1.5 khoản 1, sửa đổi mục 1.6 khoản 1, sửa đổi mục 1.7 khoản 1, bỏ mục 1.8 khoản 1, sửa đổi mục 1.10 khoản 1 , bỏ mục 1.11 khoản 1, bổ sung mục 1.12 khoản 1, bổ sung mục 1.13 khoản 1, bổ sung mục 1.14 khoản 1, bổ sung mục 1.15 khoản 1 Điều 1- Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ như sau:

1.1. "Vốn Điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

1.2. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

1.4."Người quản lý công ty" (hay người quản lý doanh nghiệp tại khoản 24 Điều 4 Luật doanh nghiệp) bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc (không bao gồm các cán bộ quản lý khác tại mục b khoản 1 điều 34 Điều lệ này).

1.5. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

1.6. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và có tên trong danh sách cổ đông khi cổ phần hóa. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

1.7. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

1.10. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

1.12. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1.13. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

1.14. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

1.15. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

Điều 2. Sửa đổi khoản 4 (người đại diện theo pháp luật), khoản 7 Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện trong Điều lệ như sau:

4. Công ty có một (01) Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

4.1. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.

7. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động. Các tổ chức này hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3. Sửa đổi mục 30, bổ sung mục 31 khoản 4.1; sửa đổi khoản 4.2 Điều 4- Ngành nghề kinh doanh và phạm vi kinh doanh trong điều lệ như sau:

4.1. Ngành, nghề kinh doanh của công ty là:

30	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế, thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, hệ thống cấp nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ khí cho công trình xây dựng; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: cấp, thoát nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ: cấp, thoát nước cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cấp – thoát nước các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình cấp – thoát nước; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông đường bộ, cầu đường; Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế cấu kiện, kết cấu chịu lực, áp lực; Thiết kế công trình điện dân dụng và công nghiệp; Tư vấn định giá công trình xây dựng; Khảo sát địa hình; Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát và thí nghiệm địa chất công trình; Dịch vụ kiểm tra, đo đạc và lập bản đồ.
31	Lập trình máy vi tính

4.2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty: Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

Điều 4. Sửa đổi khoản 3 Điều 5- Vốn điều lệ như sau:

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 5. Bổ sung khoản 5, bổ sung khoản 6, bổ sung khoản 7 Điều 6- Cổ phần như sau:

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Sửa đổi Điều 7- Chứng chỉ cổ phiếu như sau:

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của công ty, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

4. Trong thời hạn 15 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông..

Điều 6. Sửa Điều 8- Chứng chỉ chứng khoán khác như sau:

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành khác quy định.

Điều 7. Sửa đổi tên điều 9, sửa đổi khoản 1, bỏ khoản 2, sửa đổi khoản 4, bỏ khoản 5, Điều 9- Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần như sau:

Điều 9 - Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu; Chào bán cổ phần riêng lẻ; Chào bán cổ phần ra công chúng.

Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 8. Sửa đổi Khoản 1 Điều 10- Chuyển nhượng cổ phần như sau:

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 9. Sửa đổi Khoản 4 Điều 12- Cổ đông như sau:

4. Người đại diện vốn nhà nước: Là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Người đại diện), là cá nhân được Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (chủ sở hữu) ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

Người đại diện thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại nghị định 159/2020/ND-CP, quy định quản lý người đại diện theo quyết định 20/2020/QĐ-UBND thành phố và các quyết định liên quan khác của UBND Thành phố.

Người đại diện vốn nhà nước có trách nhiệm tham khảo ý kiến của đảng ủy công ty khi xây dựng quy hoạch và đề xuất các người đại diện/người đại diện giữ các chức vụ quản lý tại công ty cho nhiệm kỳ tiếp theo.

Điều 10. Bổ sung mục 1.9, mục 1.10, mục 1.11 Khoản 1; sửa đổi khoản 2, bỏ mục 2.1 khoản 2 Điều 13 - Quyền của cổ đông phổ thông như sau:

1.9. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.

1.10. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

1.11. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ 6 tháng có các quyền sau:

Điều 11. Bổ sung khoản 8, khoản 9 Điều 14 - Nghĩa vụ của cổ đông như sau:

8. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

9. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

9.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

9.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

9.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

9.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Điều 12. Bỏ tiết 2.1.2, Sửa đổi tiết 2.1.3, Sửa đổi tiết 2.1.4 Mục 2.1 Khoản 2 Điều 17 - Đại hội đồng cổ đông như sau:

2.1.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

2.1.4. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

Điều 13. Sửa đổi tên điều, sửa đổi khoản 1, sửa đổi khoản 2, bỏ khoản 3 Điều 18 - Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông như sau:

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty.

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

m)Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty.

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với môi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, bỏ khoản 3 Điều 19 - Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và Đại diện được ủy quyền như sau:

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền cho Công ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền từ cổ đông để dự họp không được ủy quyền lại cho bên thứ 3 khác dự họp thay.

Điều 15. Sửa đổi mục 2.1, sửa đổi mục 2.3, bổ sung mục 2.4, bổ sung mục 2.5, bổ sung mục 2.6, bổ sung mục 2.7 Khoản 2; Sửa đổi khoản 3; Sửa đổi mục 5.2 Khoản 5; Sửa đổi khoản 6 Điều 20 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông như sau:

2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.3. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

2.4. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.

2.5. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.

2.6. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

2.7. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 16. Sửa đổi khoản 2, sửa đổi mục 4.1 khoản 4, sửa đổi khoản 6, bổ sung khoản 7, bổ sung khoản 8, bổ sung khoản 9, bổ sung khoản 10 Điều 22 - Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông như sau:

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

6. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

7.1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

7.2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

8.2. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

8.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 17. Bổ sung mục 1.4 Khoản 1; Sửa đổi khoản 2; Sửa đổi khoản 3 Điều 23- Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như sau:

1.4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các mục 1.1, 1.2 khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

2.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp

lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

2.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 18. Sửa đổi mục 1.8, sửa đổi mục 1.9 Khoản 1; Sửa đổi khoản 4; Bổ sung khoản 5 Điều 24 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông như sau:

1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 19. Sửa đoạn 1 Điều 25 - Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như sau:

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

Điều 20. Bổ sung mục 2.1 Khoản 2; Bổ sung mục 6.4 Khoản 6 Điều 26 Hội đồng quản trị như sau:

2.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản

về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

6.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 21. Sửa đổi tên điều, sửa đổi khoản 1, sửa đổi khoản 4 (mục 4.3, 4.4, 4.5), sửa đổi khoản 6; Bổ sung khoản 11, bổ sung khoản 12 Điều 28 - Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị như sau:

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

4.3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác

4.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.

4.5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

11.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro… Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ

theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

11.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

12. Người phụ trách quản trị Công ty

12.1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

12.2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

12.3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Sửa đổi mục 1.2 Khoản 1, Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị như sau:

1.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, đồng thời là Bí thư Đảng ủy công ty (trừ giai đoạn chuyển tiếp kiện toàn các chức danh giữa hai nhiệm kỳ).

Điều 23. Sửa đổi mục 1.7 Khoản 1, Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản như sau:

1.7. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 24. Sửa đổi khoản 1 Điều 34. Cán bộ quản lý như sau:

1. Phân cấp Cán bộ quản lý gồm:

a. Cán bộ quản lý cao cấp (quản lý cấp công ty): Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch/Giám đốc công ty con.

b. Cán bộ quản lý cấp trung (quản lý cấp phòng/Ban/ Chi nhánh):

+ Cấp trưởng và tương đương bao gồm: Trưởng các phòng, Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh, Giám đốc Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố và các chức danh tương đương khác; đại diện của Công ty tham gia HĐQT/ HĐTV, Phó Giám đốc các công ty con, trưởng Văn phòng đại diện, Người phụ trách quản trị công ty.

+ Cấp phó và tương đương bao gồm: Phó trưởng các phòng; Phó Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố, Trợ lý Chủ tịch - Tổng Giám đốc; đại diện vốn của Công ty tại các công ty con/đơn vị thành viên, trưởng các phòng ban tại các công ty con/đơn vị thành viên.

c. Cán bộ quản lý cơ sở: Tổ trưởng các tổ nghiệp vụ (tổng hợp, kỹ thuật...), tổ vận hành, tổ bảo dưỡng sửa chữa, tổ quản lý và kinh doanh nước máy; phó trưởng các phòng ban tại các công ty con/đơn vị thành viên.

d. Việc quản lý cán bộ thực hiện phải đảm bảo nguyên tắc theo quy định của Ban Chấp hành trung ương Đảng về công tác cán bộ, các quy chế/ quy định của đảng ủy và công ty về tổ chức cán bộ.

Điều 25. Sửa đổi mục 3.2 Khoản 3 Điều 35- Tổng Giám đốc như sau:

3.2. Có trình độ chuyên môn và/hoặc kinh nghiệm làm việc thực tế trong quản trị hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch; các chức danh trong Ban Điều hành công ty phải trải qua công tác tại công ty ít nhất 5 năm (tính đến thời điểm được bổ nhiệm).

Điều 26. Sửa đổi khoản 4, sửa đổi khoản 5 Điều 36- Ban Kiểm soát như sau:

4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát như sau:

5. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 27. Sửa đổi khoản 1, sửa đổi khoản 2, bỏ khoản 3, bỏ khoản 4 Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát như sau:

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều 36 điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Bổ sung đoạn 1; Sửa đổi khoản 3; Sửa đổi khoản 5 trong Điều 41. Tổ chức Đảng, đoàn thể và công nhân viên trong Công ty như sau:

Đảng bộ là hạt nhân chính trị, lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, phát triển doanh nghiệp, xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh, góp phần để công ty giữ vững vị trí then chốt trong lĩnh vực cấp nước, là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế xã hội thành phố, thúc đẩy phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng các quy chế quản lý nội bộ, quy chế phân quyền và các quy chế khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị thông qua theo quy định.

5. Đảng ủy lãnh đạo Công ty thông qua đảng viên trong hội đồng quản trị, ban điều hành, các đoàn thể chính trị, đảng viên và quần chúng. Chủ tịch HĐQT đồng thời là Bí thư Đảng ủy; Đảng ủy công ty xây dựng và ban hành quy chế hoạt động là cơ sở đảm bảo hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp của BCH/BTV/Bí thư Đảng ủy/cấp ủy đối với HĐQT/ BĐH/Phòng(ban, chi nhánh)/các đoàn thể, nhằm thực hiện vai trò của đảng bộ trong doanh nghiệp nhà nước.

Điều 29. Sửa đổi mục 1.3 khoản 1; Sửa đổi khoản 3 Điều 44 - Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận như sau:

1.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật này.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này; Các hợp đồng và giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở

hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp phê duyệt các giao dịch theo khoản 3 này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

Điều 30. Sửa đổi mục 4.2 khoản 4 Điều 45 - Quyền của người lao động trong Công ty như sau:

4.2. Thông qua nội dung Thoả ước lao động tập thể; các nội dung sửa đổi, bổ sung Thoả ước lao động tập thể để Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn ký kết với Đại diện người sử dụng lao động.

Điều 31. Sửa đổi khoản 1, sửa đổi khoản 2, sửa đổi khoản 3; Bổ sung khoản 4 Điều 48 - Hệ thống kế toán như sau:

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

4. Tài khoản ngân hàng

4.1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

4.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

4.3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 32. Sửa đổi tên điều và nội dung Điều 49- Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và xử lý lỗ trong kinh doanh

Điều 49. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh được thực hiện

theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

Điều 33. Sửa đổi tên và nội dung Điều 50 - Báo cáo hàng năm như sau:

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý; Báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

1.2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

1.3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 34. Sửa đổi Điều 51. Trả cổ tức như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có

thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 35. Sửa đổi Khoản 2 Điều 52 – Giải quyết tranh chấp nội bộ như sau:

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

Điều 36. Sửa đổi các mục từ 3.2 đến 3.6 Khoản 3 Điều 54 - Thanh lý như sau:

3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.

3.3. Nợ thuế.

3.4. Các khoản nợ khác của Công ty.

3.5. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (3.1) đến (3.4) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 37. Sửa đổi Khoản 1; Sửa đổi khoản 2 Điều 55 - Tiếp nhận và công bố thông tin như sau:

1. Công ty phải công bố định kỳ hoặc bất thường trên trang thông tin điện tử của Công ty, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và của Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết theo quy định.

2. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty được công bố tại khoản 1 nêu trên.

Điều 38. Sửa đổi Điều 58 - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ như sau:

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần 3 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/04/2022, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 4 năm 2022; Điều lệ tổ chức và hoạt động, Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần 1 năm 2016, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi bổ sung lần 2 năm 2019, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi bổ sung lần 3 năm 2022 được hợp nhất các nội dung thành Điều lệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Việt Cường

THUYẾT MINH SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TRÌNH ĐHĐCĐ 2022 THÔNG QUA

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
1	Cấu trúc Điều lệ	Gồm 9 chương, 60 điều	Gồm 9 chương, 60 điều	- Giữ nguyên cấu trúc và số lượng điều - Đổi tên và cập nhật nội dung tại một số điều phù hợp với điều lệ mẫu và quy định mới.
2	Phần mở đầu (Cập nhật các căn cứ theo các luật, nghị định, thông tư hiện hành)	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 26/9/2006; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.	- Do hết hiệu lực và được thay thế bằng văn bản pháp luật mới.
3	Phần mở đầu (đoạn cuối)	Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng họp ngày 23/04/2019 thống nhất thông qua và chấp nhận sửa đổi, bổ sung một số điều tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 03 năm 2015; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần thứ nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 07 năm 2016 như sau	Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng họp ngày ...../04/2022 thống nhất thông qua và chấp nhận sửa đổi, bổ sung một số điều tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 03 năm 2015; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần thứ nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 07 năm 2016; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần thứ hai đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2019 như sau	- Bổ sung thông tin lần sửa đổi gần nhất
4	Mục 1.1 Khoản 1 Điều 1 - Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.1. "Vốn Điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này	1.1. "Vốn Điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.	- Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục a.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
5	Mục 1.2 Khoản 1 Điều 1 - Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.2. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014	1.2. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.	- Do hết hiệu lực và được thay thế bằng văn bản pháp luật mới. - Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục c.
6	Mục 1.4 Khoản 1 Điều 1- Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.4."Người quản lý công ty" (hay người quản lý doanh nghiệp tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp) bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc (không bao gồm các cán bộ quản lý khác tại mục b khoản 1 điều 34 Điều lệ này).	1.4."Người quản lý công ty" (hay người quản lý doanh nghiệp tại khoản 24 Điều 4 Luật doanh nghiệp) bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc (không bao gồm các cán bộ quản lý khác tại mục b khoản 1 điều 34 Điều lệ này).	- Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục h. - Cập nhật điều theo luật DN mới
7	Mục 1.5 Khoản 1 Điều 1- Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.5. "Cổ đông" là bất kỳ tổ chức, cá nhân đăng ký tên trong sổ Đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty;	1.5. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty.	- Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục k.
8	Mục 1.6 Khoản 1 Điều 1- Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.6. "Cổ đông phổ thông" là tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần phổ thông	1.6. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và có tên trong danh sách cổ đông khi cổ phần hóa. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.	- Cho nhất quán với các thuật ngữ định nghĩa của Điều lệ mẫu, không định nghĩa "Cổ đông phổ thông". - Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục l, mục m.
9	Mục 1.7 Khoản 1 Điều 1- Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.7. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	1.7. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.	- Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục i.
10	Mục 1.8 Khoản 1 Điều 1- Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.8. "Người đại diện theo uỷ quyền" là cá nhân được cổ đông uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	{Bỏ nội dung này}	- Để tránh chồng chéo nội dung, do nội dung này cũng quy định tại Điều lệ điều 19 khoản 1 - Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 không đề cập nội dung này

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
11	Mục 1.10 Khoản 1 Điều 1 - Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	1.10. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010	1.10. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.	- Do hết hiệu lực và được thay thế bằng văn bản pháp luật mới.
12	Mục 1.11 Khoản 1 Điều 1 - Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	Thuật ngữ "Tổng Giám đốc điều hành" trong Điều lệ sửa đổi nhất quán thành "Tổng Giám đốc".	{Bỏ nội dung này}	- Do trong bản Điều lệ sửa đổi lần 2 đã chuyển hết thuật ngữ này thành "Tổng Giám đốc"
13	Khoản 1, Điều 1 - Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	{Chưa đề cập}	1.12. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 1.13. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty. 1.14. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua. 1.15. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	- Điều lệ mẫu - điều 1- khoản 1 mục b; g; n; o.
14	Khoản 4, Điều 2 - Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện	4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty	4. Công ty có một (01) Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty 4.1. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. 4.2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:	- Tham chiếu theo Điều lệ mẫu –Điều 3. - Luật Doanh nghiệp Điều 12 khoản 1, Điều 13 khoản 1.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty; b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.	
15	Khoản 7, Điều 2 - Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện	7. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị xã hội. Tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó, phù hợp với quy định của pháp luật.	7. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động. Các tổ chức này hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó, phù hợp với quy định của pháp luật.	- Chuẩn hóa đối tượng là các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động trong công ty theo điều 6 Luật doanh nghiệp.
16	Mục 30, Khoản 4.1, Điều 4 – Ngành nghề kinh doanh và phạm vi kinh doanh	30. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế, thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, hệ thống cấp nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ khí cho công trình xây dựng; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: cấp, thoát nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ: cấp, thoát nước cho các công trình xây dựng dân dụng	30. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế, thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, hệ thống cấp nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ khí cho công trình xây dựng; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: cấp, thoát nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ: cấp, thoát nước cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cấp – thoát nước các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình cấp – thoát nước;	- Bổ sung một số mã ngành cấp 4.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		và công nghiệp; Thiết kế cấp – thoát nước các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình cấp – thoát nước; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông đường bộ, cầu đường; Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn định giá công trình xây dựng; Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát và thí nghiệm địa chất công trình; Dịch vụ kiểm tra, đo đạc và lập bản đồ.	Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông đường bộ, cầu đường; Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế cấu kiện, kết cấu chịu lực, áp lực; Thiết kế công trình điện dân dụng và công nghiệp; Tư vấn định giá công trình xây dựng; Khảo sát địa hình; Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát và thí nghiệm địa chất công trình; Dịch vụ kiểm tra, đo đạc và lập bản đồ.	
17	Mục 31, Khoản 4.1, Điều 4 – Ngành nghề kinh doanh và phạm vi kinh doanh	{Chưa đề cập}	31. Lập trình máy vi tính	- Bổ sung một số mã ngành cấp 3.
18	Khoản 4.2, Điều 4 –Ngành nghề kinh doanh và phạm vi kinh doanh	4.2. Ngoài các ngành nghề tại mục 4.1 nêu trên, Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh thêm trong các ngành, nghề khác được pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	4.2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty: Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.	- Tham khảo Điều lệ mẫu điều 5.
19	Khoản 3, Điều 5 – Vốn Điều lệ	3. Điều chỉnh vốn điều lệ: 3.1. Ngoài vốn điều lệ ban đầu, Công ty được quyền huy động vốn để phát triển sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về việc huy động vốn theo quy định của pháp luật. Tùy tình hình cụ thể của từng thời kỳ hoạt động, vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh lại để đáp ứng nhu	3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	- Điều lệ mẫu điều 6 khoản 2.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		cầu vốn kinh doanh và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông. 3.2. Sau khi Công ty cổ phần Cấp nước hoạt động chính thức hoạt động theo luật doanh nghiệp, cổ đông nhà nước được quyền quyết định việc bán tiếp cổ phần đang sở hữu để đảm bảo tỷ lệ vốn Nhà nước theo quy định. 3.3. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật và Công ty đăng ký lại vốn điều lệ với Cơ quan có thẩm quyền cấp Đăng ký kinh doanh.		
20	Điều 6 – Cổ phần	{Chưa đề cập}	5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác. 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. 7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.	- Điều lệ mẫu điều 6 khoản 5, khoản 6, khoản 7. (Khoản 1 đến khoản 4 trong điều 6 Điều lệ mẫu đã nêu trong điều 6 Điều lệ hiện hành).
21	Điều 7 – Chứng chỉ cổ phiếu	Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ chứng nhận sở hữu cổ phần (gọi tắt là cổ phiếu) tương ứng với số cổ phần, loại cổ phần họ sở hữu.	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của công ty, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội	- Điều lệ mẫu - Điều 7 - Thời hạn tại khoản 3 điều này tham chiếu thời hạn như quy định tại Điều lệ hiện tại

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp. 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại Phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí nào khác. 5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. 4. Trong thời hạn 15 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. 5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	
22	Điều 8 – Chứng chỉ chứng khoán khác	Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành khác quy định.	Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành khác quy định.	- Điều lệ mẫu Điều 8 – Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng khoán khác (ngoài cổ phiếu) như: trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng quyền, chứng khế...
23	Điều 9 - Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần	Điều 9 - Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần	Điều 9 - Chào bán cổ phần	- Đổi tên điều 9 do không còn nội dung và Thu hồi cổ phần trong điều này (đề cập ở điều 10 điều lệ mẫu).

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
24	Khoản 1, Điều 9 - Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần	1. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây: 1.1. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. 1.2. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành. 1.3. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác và xác nhận bằng văn bản. 1.4. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết	1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu; Chào bán cổ phần riêng lẻ; Chào bán cổ phần ra công chúng. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.	- Luật doanh nghiệp điều 123 khoản 1, 2, 4. - Chuẩn hóa khái niệm chào bán với công ty đại chúng theo luật doanh nghiệp.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác, hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.		
	Khoản 2, Điều 9 - Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần	2. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ hiện có của họ ở Công ty.	{Bỏ nội dung này}	- Thẩm quyền liên quan chào bán thuộc ĐHĐCĐ. - Chào bán cổ phần với công ty đại chúng đã quy định rất cụ thể trong mục 2 nghị định 155. - Đã đề cập ở khoản 4 điều này.
2	Khoản 4, Điều 9 - Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần	4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.	4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.	Luật doanh nghiệp điều 123 khoản 3. Đối tượng công ty đại chúng thì tất cả các hình thức chào bán đều phải theo pháp luật về chứng khoán.
3	Khoản 5, Điều 9 - Chào bán cổ phần; Thu hồi cổ phần	5. Thu hồi cổ phần 5.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.	{Bỏ nội dung này}	Theo điều 10 điều lệ mẫu, nội dung này chỉ áp dụng đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, công ty ko trong trường hợp này nên ko cần nội dung này

TT	Diều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		5.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. 5.3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán dầy dủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. 5.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. 5.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi. 5.6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.		

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
4	Khoản 1, Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	1. Các cổ phiếu không ghi danh được tự do chuyển nhượng ngoại trừ các cổ phiếu mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản, giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nộp giấy chuyển nhượng cho Công ty, Công ty phải làm thủ tục chuyển nhượng và đăng ký điều chỉnh vào sổ đăng ký cổ đông và cấp lại cổ phiếu (nếu cần).	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	- Điều lệ mẫu - Điều 9 khoản 1.
5	Khoản 4, Điều 12. Cổ đông	4. Cổ đông nhà nước: Là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Người đại diện), là cá nhân được Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (chủ sở hữu) ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp. Người đại diện được ủy quyền để thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước, có trách nhiệm tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Nhà nước đã góp vào doanh nghiệp; thực hiện đúng nhiệm vụ được chủ sở hữu nhà nước giao theo quy định hiện hành của Nhà nước; báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục	4. Người đại diện vốn nhà nước: Là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Người đại diện), là cá nhân được Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (chủ sở hữu) ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp. Người đại diện thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại nghị định 159/2020/ND-CP, quy định quản lý người đại diện theo quyết định 20/2020/QĐ-UBND thành phố và các quyết định liên quan khác của UBND Thành phố. Người đại diện vốn nhà nước có trách nhiệm tham khảo ý kiến của đảng ủy công ty khi xây dựng quy hoạch và đề xuất các người đại diện/người đại diện giữ các chức vụ quản lý tại công ty cho nhiệm kỳ tiếp theo.	- Đổi tiêu đề cho đúng với thuật ngữ và nội dung nêu trong khoản mục này. - Phù hợp với việc quy hoạch người đại diện theo nghị định 159/ND/ND-CP; Tuân thủ với quy định số 48-QĐ/TW của BCH TW về chức năng nhiệm vụ của đảng bộ/chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước, điều 4 lãnh đạo công tác tổ chức cán bộ.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.		
6	Khoản 1, Điều 13 - Quyền của cổ đông phổ thông	{Chưa đề cập}	1.9. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông. 1.10. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật. 1.11. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	- Điều lệ mẫu - Điều 12 khoản 1 tiết i,k,l – Quyền của cổ đông
7	Khoản 2 Điều 13 - Quyền của cổ đông phổ thông	2. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền sau:	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ 6 tháng có các quyền sau:	- Tham chiếu tỷ lệ theo Điều lệ mẫu – Khoản 2 Điều 12 – Quyền của cổ đông. - Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
8	Mục 2.1 Khoản 2 Điều 13 - Quyền của cổ đông phổ thông	2.1. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 3, Điều 26 và khoản 3, Điều 36 Điều lệ này.	{Bỏ nội dung này}	- Điều lệ mẫu – Khoản 2 Điều 12 – Quyền của cổ đông: không đề cập nội dung này. - Nội dung này cũng đã thể hiện chi tiết hơn tại các khoản 3 Điều 26 và khoản 3 Điều 36.
9	Điều 14 – Nghĩa vụ của cổ đông	{Chưa đề cập}	8. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	- Khoản 5, khoản 6, Điều 13 – Điều lệ mẫu; - Điều 119 – Luật Doanh nghiệp

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			9. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: 9.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. 9.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. 9.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. 9.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	
10	Mục 2.1 Khoản 2 Điều 17 – Đại hội đồng cổ đông	2.1.2. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất 20%.	{Bỏ tiểu mục này}	- Khoản 4, Điều 14 – Điều lệ mẫu không có nội dung này; - Khoản 1 Điều 140 – Luật Doanh nghiệp không đề cập
11	Mục 2.1 Khoản 2 Điều 17 – Đại hội đồng cổ đông	2.1.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn 50% số thành viên quy định trong Điều lệ này.	2.1.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.	- Điểm b) Khoản 1 Điều 140 – Luật Doanh nghiệp
12	Mục 2.1 Khoản 2 Điều 17 – Đại hội đồng cổ đông	2.1.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Khi yêu cầu triệu tập họp phải lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc quyết định vượt quá thẩm quyền.	2.1.4. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.	- Mục c Khoản 3, Điều 14 – Điều lệ mẫu.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
13	Sửa đổi tên Điều 18 – Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông	Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông	- Theo điều 15 Điều lệ mẫu
14	Khoản 1 Điều 18 – Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: 1.1. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm. 1.2. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty. 1.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty. 1.4. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 1.5. Báo cáo của các Kiểm toán viên (nếu có). 1.6. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty. b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần. c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty. e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm. g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại. h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty. i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty. k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.	- Theo khoản 1 điều 15 Điều lệ mẫu

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.	
15	Khoản 2 Điều 18 – Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: 2.1. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm. 2.2. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. 2.3. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. 2.4. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. 2.5. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo quyết toán tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. 2.7. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty. 2.8. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần. 2.9. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty. 2.10. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý. 2.11. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty. 2.12. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty. b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán. c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị. d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát. e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại. g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty. m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập. n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.	- Theo khoản 2 điều 15 Điều lệ mẫu

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. 2.13. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành. 2.14. Đối với hợp đồng ký kết với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 44 Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thực hiện đầy đủ các nội dung theo điều 44 Điều lệ này. 2.15. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.	o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý. p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại. r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát. u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
16	Khoản 3 Điều 18 – Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: 3.1. Các hợp đồng quy định tại mục 2.14, khoản 2 của Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; 3.2. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.	{Bỏ nội dung này}	- Điều lệ mẫu điều 15 không đề cập. - Đã quy định cụ thể tại điều 44 Điều lệ, điều 167 Luật Doanh nghiệp.
17	Điều 19 – Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự.	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc	- Khoản 1 điều 144 – Luật Doanh nghiệp.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
	Đại diện được ủy quyền	Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.	dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	- Điều lệ mẫu – Điều 16 khoản 1
18		2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: 2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp. 2.2. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông (là tổ chức) là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. 2.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền cho Công ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền cho Công ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền từ cổ đông để dự họp không được ủy quyền lại cho bên thứ 3 khác dự họp thay.	- Khoản 2 điều 144 – Luật Doanh nghiệp. - Điều lệ mẫu – Điều 16 khoản 2
19		3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	{Bỏ nội dung này}	- Điều lệ mẫu – Điều 16 – Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: không đề cập nội dung này. - Nội dung này không được đề cập tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp về Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
20	Khoản 2 điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	- Điều lệ mẫu mục a khoản 2 Điều 18 (bổ sung thời gian tối đa là 10 ngày từ lúc chốt danh sách đến lúc gửi thông báo)
21		2.3. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của các cổ đông.	2.3. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.	- Điều lệ mẫu mục e khoản 2 Điều 18
22		{Chưa đề cập}	2.4. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội. 2.5. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội. 2.6. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp. 2.7. Các công việc khác phục vụ đại hội.	- Điều lệ mẫu mục b,c,d,g khoản 2 Điều 18
23	Khoản 3 điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười ngày (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được	3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang	- Điều lệ mẫu khoản 3 Điều 18 - Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	
24	Mục 5.2 Khoản 5 điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	5.2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng.	5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này.	- Tham chiếu theo tỷ lệ theo Điều lệ mẫu điều 18 khoản 5 mục b; - Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
25	Khoản 6 điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	- Điều lệ mẫu điều 18 khoản 6; - Khoản 4 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
26	Khoản 2 Điều 22 – Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối	- Mục a khoản 1 điều 20 điều lệ mẫu.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.	cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	
27	Khoản 4 Điều 22 – Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ tọa cuộc họp hoặc các thành viên còn lại bầu một người trong số họ có chức vụ cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.	4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	- Điều lệ mẫu điều 20 khoản 2, mục a - Mục a khoản 2 điều 146 Luật Doanh nghiệp
28	Khoản 6 Điều 22 – Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	6. Chủ toạ của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.	6. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông. b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp. c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp	- Khoản 4 điều 20 điều lệ mẫu.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	
29	Điều 22 – Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	{Chưa đề cập}	7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây: 7.1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; 7.2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	- Điều lệ mẫu điều 20 khoản 7 - Khoản 7 điều 146 Luật Doanh nghiệp
30		{Chưa đề cập}	8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây: 8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp. 8.2. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết. 8.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.	- Điều lệ mẫu điều 20 khoản 8 - Khoản 8 điều 146 Luật Doanh nghiệp
31		{Chưa đề cập}	9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.	- Điều lệ mẫu điều 20 khoản 9 - Khoản 9 điều 146 Luật Doanh nghiệp

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
32		{Chưa đề cập}	10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy.	- Điều lệ mẫu điều 20 khoản 10
33	Khoản 1, Điều 23- Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	{Chưa đề cập}	1.4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các mục 1.1, 1.2 khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	- Điều lệ mẫu điều 21 khoản 2 (tỷ lệ thông qua các trường hợp khác và đáp ứng yêu cầu các điểm 3,4,6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp) - Phù hợp với Điều 148 Luật Doanh nghiệp (tỷ lệ thông qua các trường hợp khác)
34	Khoản 2, Điều 23- Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty 2.1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 2.1.1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.	2. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 2.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. 2.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này. 2.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau	- Điều lệ mẫu điều 22 (bổ sung mục 2.1); - Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		2.1.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết. 2.1.3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. 2.1.4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết. 2.1.5. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. 2.1.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 2.1.7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị	đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích lấy ý kiến; c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 2.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây: a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu; c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở	

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. 2.5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. 2.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang	

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. 2.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 2.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
35	Khoản 3 Điều 23- Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua.	3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	- Khoản 5 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
36	Mục 1.8, Khoản 1, Điều 24 – Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	1.8. Các quyết định đã được thông qua	1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.	- Điều lệ mẫu điều 23, khoản 1, mục h).
37	Mục 1.9, Khoản 1, Điều 24 – Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.	1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	- Điều lệ mẫu điều 23, khoản 1, mục i). - Mục i), khoản 1, Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
38	Khoản 4, Điều 24 – Biên bản	4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Đối với các cổ đông làm việc tại Công ty,	4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài	- Điều lệ mẫu điều 23, khoản 1, mục i);

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
	họp Đại hội đồng cổ đông	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công khai tại bảng tin của đơn vị trực thuộc chậm nhất năm (05) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp và duy trì trong thời gian mười lăm (15) ngày. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	- Mục i), khoản 1, Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
39	Khoản 5, Điều 24 – Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	{Chưa đề cập}	5. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	- Điều lệ mẫu khoản 3, Điều 23; - Khoản 4, Điều 150 Luật Doanh nghiệp
40	Sửa đoạn 1 Điều 25 – Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	- Điều lệ mẫu Điều 24 - Điều 151 Luật doanh nghiệp
41	Khoản 2 Điều 26 Hội đồng quản trị	{Chưa đề cập}	2.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và	- Điều lệ mẫu Điều 25 Khoản 1 (bổ sung mục 2.1)

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty; g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	
42	Khoản 6 Điều 26 Hội đồng quản trị	{Chưa đề cập}	6.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp.	- Điều lệ mẫu Điều 25 Khoản 4 - Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp
43	Điều 28 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	Điều 28 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	Điều 28 - Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	- Đổi tên điều theo điều 27 Điều lệ mẫu
44	Khoản 1 Điều 28 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	- Khoản 1, điều 27 Điều lệ mẫu

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
45	Khoản 4 Điều 28 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	4. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.	4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	- Khoản 2, điều 27 Điều lệ mẫu
46		4.3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.	4.3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.	- Mục c Khoản 2, điều 27 Điều lệ mẫu
47		4.4. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.	4.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.	- Mục d Khoản 2, điều 27 Điều lệ mẫu
48		4.5. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty được chào bán, nhưng không quá 10% số lượng cổ phần chào bán trong mỗi chu kỳ mười hai tháng.	4.5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.	- Mục đ Khoản 2, điều 27 Điều lệ mẫu
49	Khoản 6, Điều 28 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo tài chính hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông thì báo cáo đó sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.	6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.	- Điều lệ mẫu Điều 27 Khoản 3 - Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
50	Điều 28 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	{Chưa đề cập}	11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 11.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro... Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội	- Điều lệ mẫu Điều 31

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. 11.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	
51	Điều 28. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	{Chưa đề cập}	12. Người phụ trách quản trị Công ty 12.1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. 12.2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. 12.3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau: a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp; đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành	- Điều lệ mẫu Điều 32 - Bổ sung theo Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát; g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty; h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	
52	Khoản 1, Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	1.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, đồng thời là Bí thư Đảng ủy công ty (trừ giai đoạn chuyển tiếp kiện toàn các chức danh giữa hai nhiệm kỳ).	- Phù hợp với nguyên tắc người đứng đầu về chính quyền trong DNNN cũng là người đứng đầu về Đảng (Điều 5 khoản 4 quy định số 48-QĐ/TW).
53	Khoản 1, Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản	1.7. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm còn ít hơn 50% so với quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.	1.7. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.	Luật doanh nghiệp mục a khoản 4 điều 160 Sửa đoạn cuối mục 1.7
54	Điều 34. Cán bộ quản lý	1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Cán bộ quản lý gồm:	1. Phân cấp Cán bộ quản lý gồm: a. Cán bộ quản lý cao cấp (quản lý cấp công ty): Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch/Giám đốc công ty con. b. Cán bộ quản lý cấp trung (quản lý cấp phòng/Ban/ Chi nhánh): + Cấp trưởng và tương đương bao gồm: Trưởng các phòng, Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh, Giám đốc Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố và các chức danh tương đương khác; đại diện của Công ty tham gia HĐQT/ HĐTV, Phó Giám đốc các công ty	Chuẩn hóa khái niệm và phù hợp với phân cấp cán bộ hiện tại của công ty

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		a. Cán bộ quản lý cao cấp: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. b. Cán bộ quản lý khác: + Cấp trưởng và tương đương bao gồm: Trưởng các phòng, ban, Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh, Phó Giám đốc phụ trách Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố có hệ số lương tương đương trưởng phòng, đại diện của Công ty tham gia lãnh đạo các liên doanh, trưởng Văn phòng đại diện và tương đương. + Cấp phó và tương đương bao gồm: các phó phòng, ban, Phó Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh, Kế toán trưởng Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố, đại diện của Công ty tham gia làm trưởng các phòng ban tại các liên doanh, Trợ lý Chủ tịch – Tổng Giám đốc.	con, trưởng Văn phòng đại diện, Người phụ trách quản trị công ty. + Cấp phó và tương đương bao gồm: Phó trưởng các phòng; Phó Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố, Trợ lý Chủ tịch – Tổng Giám đốc; đại diện vốn của Công ty tại các công ty con/đơn vị thành viên, trưởng các phòng ban tại các công ty con/đơn vị thành viên. c. Cán bộ quản lý cơ sở: Tổ trưởng các tổ nghiệp vụ (tổng hợp, kỹ thuật...), tổ vận hành, tổ bảo dưỡng sửa chữa, tổ quản lý và kinh doanh nước máy; phó trưởng các phòng ban tại các công ty con/đơn vị thành viên. d. Việc quản lý cán bộ thực hiện phải đảm bảo nguyên tắc theo quy định của Ban Chấp hành trung ương Đảng về công tác cán bộ, các quy chế/ quy định của đảng ủy và công ty về tổ chức cán bộ.	
55	Mục 3.2 Khoản 3 Điều 35. Tổng Giám đốc	3.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.	3.2. Có trình độ chuyên môn và/hoặc kinh nghiệm làm việc thực tế trong quản trị hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch; các chức danh trong Ban Điều hành công ty phải trải qua công tác tại công ty ít nhất 5 năm (tính đến thời điểm được bổ nhiệm).	- Quy định rõ tiêu chuẩn để áp dụng được chính xác. - Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch.
56	Khoản 4 Điều 36. Ban Kiểm soát	4. Thành viên Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Trưởng ban kiểm soát được bầu trong số thành viên ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên trách làm việc tại Công ty. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát như sau:	- Điều lệ mẫu điều 38.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
57	Khoản 5 Điều 36. Ban Kiểm soát	5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 5.1. Không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. 5.2. Từ 25 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 5.3.Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. 5.4.Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, con rể, con dâu, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.	5. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.	- Điều lệ mẫu điều 37 khoản 2.
58	Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát	Thành viên Ban kiểm soát sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau: 1. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 5 Điều 36 của Điều lệ này. 2. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. 3. Có đơn xin từ chức. 4. Thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu vi phạm các quy định về nghĩa vụ của thành viên ban kiểm soát.	1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều 36 điều lệ này; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; 2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công. b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	- Điều lệ mẫu điều 37 khoản 3, khoản 4.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
59	Điều 41. Tổ chức Đảng, đoàn thể và công nhân viên trong Công ty	Điều 41. Tổ chức Đảng, đoàn thể và công nhân viên trong Công ty	Điều 41. Tổ chức đảng, đoàn thể và công nhân viên trong Công ty. Đảng bộ là hạt nhân chính trị, lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, phát triển doanh nghiệp, xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh, góp phần để công ty giữ vững vị trí then chốt trong lĩnh vực cấp nước, là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế xã hội thành phố, thúc đẩy phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh.	- Tuân thủ với quy định số 48-QĐ/TW của BCH TW về chức năng nhiệm vụ của đảng bộ/chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước.
60	Điều 41. Tổ chức Đảng, đoàn thể và công nhân viên trong Công ty	3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng các quy chế để Hội đồng quản trị thông qua: Quy chế tuyển dụng lao động; tổ chức cán bộ; trả lương theo mức độ hoàn thành công việc; thực hiện dân chủ; thỏa ước lao động tập thể; chi tiêu nội bộ; kỷ luật, sa thải; thi đua khen thưởng... đối với người lao động và người quản lý.	3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng các quy chế quản lý nội bộ, quy chế phân quyền và các quy chế khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị thông qua theo quy định.	- Phù hợp với khoản 4.10 điều 28 Điều lệ - Phù hợp với mục 1 khoản 2 điều 153 Luật Doanh nghiệp.
61	Điều 41. Tổ chức Đảng, đoàn thể và công nhân viên trong Công ty	5. Đảng ủy lãnh đạo Công ty thông qua đảng viên trong hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc, các đoàn thể chính trị, đảng viên và quần chúng.	5. Đảng ủy lãnh đạo Công ty thông qua đảng viên trong hội đồng quản trị, ban điều hành, các đoàn thể chính trị, đảng viên và quần chúng. Chủ tịch HĐQT đồng thời là Bí thư Đảng ủy; Đảng ủy công ty xây dựng và ban hành quy chế hoạt động là cơ sở đảm bảo hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp của BCH/BTV/Bí thư Đảng ủy/cấp ủy đối với HĐQT/ BĐH/Phòng(ban, chi nhánh)/các đoàn thể, nhằm thực hiện vai trò của đảng bộ trong doanh nghiệp nhà nước.	- Đảm bảo, thuận tiện việc lãnh đạo Đảng ủy lãnh đạo HĐQT thực hiện trách nhiệm/quyền hạn được giao (quy định số 48-QĐ/TW của BCH TW). - Phù hợp với nguyên tắc người đứng đầu về chính quyền trong DNNN cũng là người đứng đầu về Đảng (Điều 5 khoản 4 quy định số 48-QĐ/TW).

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
62		1.3 Doanh nghiệp theo quy định tại luật doanh nghiệp điều 159 khoản 2.	1.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật này.	- Luật doanh nghiệp điều 167 khoản 1 mục c
63	Điều 44 – Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.	3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận: a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này; Các hợp đồng và giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. Trường hợp phê duyệt các giao dịch theo khoản 3 này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.	- Điều lệ mẫu Điều 47 khoản 6 mục b. - Mục b khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. - Luật doanh nghiệp điều 167 khoản 3.
64	Khoản 4 Điều 45. Quyền của người lao động trong Công ty	4.2. Thông qua nội dung Thoả ước lao động tập thể; các nội dung sửa đổi, bổ sung Thoả ước lao động tập thể để Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn ký kết với Tổng Giám đốc Công ty.	4.2. Thông qua nội dung Thoả ước lao động tập thể; các nội dung sửa đổi, bổ sung Thoả ước lao động tập thể để Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn ký kết với Đại diện người sử dụng lao động.	- Phù hợp với thực tế

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
65	Điều 48. Hệ thống kế toán	Điều 48. Hệ thống kế toán	Điều 48. Chế độ kế toán	- Đổi tên điều theo điều 54 điều lệ mẫu
66	Khoản 1, khoản 2 Điều 48. Hệ thống kế toán	1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	- Khoản 1, khoản 2 điều 54 điều lệ mẫu
67	Điều 48. Hệ thống kế toán	3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.	- Điều lệ mẫu Điều 54 khoản 3.
68	Điều 48. Hệ thống kế toán	{Chưa đề cập}	4. Tài khoản ngân hàng 4.1.Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. 4.2.Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. 4.3.Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.	- Điều lệ mẫu Điều 55.
69	Điều 49. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế,	Điều 49. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và xử lý lỗ trong kinh doanh	Điều 49. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và xử lý lỗ trong kinh doanh	- Sửa đổi cho phù hợp với thuật ngữ kế toán.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
	trích lập các quỹ và xử lý lỗ trong kinh doanh	1. Việc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh được thực hiện theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo quy định của Luật phá sản. 3. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển sản xuất do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.	1. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh được thực hiện theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật. 2. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật. 3. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển do HĐQT trình ĐHDCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.	
70	Điều 50 – Báo cáo hàng năm	Điều 50. Báo cáo hàng năm 1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. 3. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam do Hội đồng quản trị lựa chọn. 4. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để	Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý; Báo cáo thường niên 1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 1.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. 1.2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 1.3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc	- Điều lệ mẫu Điều 55, 56, 57. - Khoản 2, Khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC. - Khoản 2, Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC. - Mục m, khoản 1 điều 138 Luật Doanh nghiệp.

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.	họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
71	Điều 51. Trả cổ tức	Điều 51. Trả cổ tức 1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.	Điều 51. Trả cổ tức 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. 2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu. 3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. 4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi	- Điều lệ mẫu Điều 51 khoản 1, 2, 3, 4, 5 (chuẩn hóa các nội dung liên quan đến việc chi trả cổ tức theo Điều lệ mẫu).

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. 4. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức cho cổ đông. 5. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông. Khi trả cổ tức bằng các dịch vụ tín dụng theo yêu cầu của cổ đông mà cổ đông đó không nhận được tiền do lỗi thông tin do cổ đông đó cung cấp, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền đã chuyển. 6. Hội đồng quản trị có thể quy định một ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty cụ thể. Căn cứ theo ngày đó, những người có tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. 7. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ	trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. 5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.	

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của cổ đông; mức cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức. 8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.		
72	Khoản 2 Điều 52 – Giải quyết tranh chấp nội bộ	2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.	2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.	- Điều lệ mẫu điều 62 khoản 2.
73	Khoản 3 Điều 54 – Thanh lý	3.2. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ nhân viên. 3.3. Thuế và các khoản phải nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước 3.4. Các khoản vay (nếu có). 3.5. Các khoản nợ khác của Công ty. 3.6. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục 3.1 đến 3.5 trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.	3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết. 3.3. Nợ thuế. 3.4. Các khoản nợ khác của Công ty. 3.5. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (3.1) đến (3.4) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	- Điều lệ mẫu điều 61.
74	Khoản 1, khoản 2 Điều 55. Tiếp	Điều 55. Tiếp nhận và công bố thông tin	Điều 55. Tiếp nhận và công bố thông tin	- Phù hợp với quy định của pháp luật về công bố thông tin

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
	nhận và công bố thông tin	1. Công ty phải công bố định kỳ hoặc bất thường trên trang thông tin điện tử của Công ty, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và của Ủy ban chứng khoán nhà nước (SSC) các nội dung quy định theo điều 108, 109 Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán. 2. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh.	1. Công ty phải công bố định kỳ hoặc bất thường trên trang thông tin điện tử của Công ty, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và của Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết theo quy định. 2. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty được công bố tại khoản 1 nêu trên.	của công ty đại chúng và công ty nhà nước.
75	Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải xuất phát từ lợi ích của Công ty và sự phù hợp về luật pháp hiện hành. 2. Mọi cổ đông đều có quyền đề xuất sửa đổi Điều lệ và Hội đồng quản trị phải tổng hợp những đề xuất sửa đổi mang lại hiệu quả, phương thức quản lý tiến bộ hoặc các lợi ích khác làm Công ty phát triển bền vững để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. 3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.	Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. 2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.	- Điều lệ mẫu chương XX, điều 63.
76	Đoạn cuối của trang cuối (phía trước ký duyệt)	Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi, bổ sung lần 2 này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/04/2019, có hiệu lực từ ngày 23	Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần 3 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/04/2022, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 4 năm 2022;	- Cập nhật sửa đổi bổ sung lần 3

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		tháng 4 năm 2019; Điều lệ tổ chức và hoạt động, Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần 1, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi bổ sung lần 2 được hợp nhất các nội dung thành Điều lệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.	Điều lệ tổ chức và hoạt động, Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần 1 năm 2016, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi bổ sung lần 2 năm 2019, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi bổ sung lần 3 năm 2022 được hợp nhất các nội dung thành Điều lệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.	

ĐH2022-13.2

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-HĐQT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO
Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ theo Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 76/BB-HĐQT ngày 23/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty *(Chi tiết tài liệu kèm theo).*

(Nội dung bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được công bố thông tin theo quy định, đăng tải trên website của Công ty và thông báo tới các quý cổ đông trong thông báo mời họp.)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Việt Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(QCC-01)

Hải Phòng, Tháng 04/2022

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. 3
Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông. 3
Điều 3. Họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. 4
Điều 4. Họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. 7
Điều 5. Họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến. 8
Điều 6. Hội đồng quản trị. 9
Điều 7. Ban Kiểm soát. 12
Điều 8. Tổng Giám đốc. 12
Điều 9. Các hoạt động khác. 13
Điều 10. Đánh giá, khen thưởng, kỷ luật. 16
Điều 11. Điều khoản thi hành. 16
PHỤ LỤC 1: BẢNG PHÂN QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, THẨM ĐỊNH, ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG VIỆC 17
PHỤ LỤC 2: DANH MỤC PHÂN QUYỀN PHÊ DUYỆT, PHÂN PHỐI CÁC QUY CHẾ, QUY ĐỊNH 24

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày ... tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ... tháng 4 năm 2022 của HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 09/04/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc hoàn tất thủ tục chuyển Công ty TNHH MTV cấp nước Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc miễn nhiệm và cử, cử lại người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng 4 năm 2022;

HĐQT ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị công ty Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Công ty được phép tổ chức các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua các nghị quyết phù hợp với quy định của pháp luật nếu được HĐQT thống nhất, theo một trong các hình thức sau:

3.1. Họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

3.2. Họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3.3. Họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

3.4. Các hình thức họp ĐHĐCĐ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 3. Họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ: HĐQT có thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định Điều 17 của Điều lệ Công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của các cổ đông có quyền dự họp hoặc/và theo địa chỉ của công đông theo dữ liệu của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam; các cổ đông là công nhân viên công ty được gửi thông qua phòng/ban/chi nhánh cổ đông đang làm việc. Thông báo triệu tập được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.

5. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ bao gồm quy định về kiến nghị của cổ đông (nếu có) được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông tiếp cận.

6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ: Cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký trực tiếp vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội.

HĐQT chỉ định Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm ba đến chín người, trong đó có thành viên BKS. Ban kiểm tra tư cách cổ đông, căn cứ sổ đăng ký cổ đông, các chứng từ kế toán,... và danh sách đăng ký dự họp, lập biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và công bố công khai tại đại hội trước khi thực hiện chương trình nghị sự.

7. Cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo mời họp. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền

cho đại diện của mình hoặc các Thành viên HĐQT tham dự. Cổ đông cá nhân chỉ ủy quyền cho 01 người đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện họp phải được lập thành văn bản theo mẫu quy định đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là Người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức);
- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức);
- Trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào dự họp.

8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, thì thông báo mời họp cuộc họp lần thứ hai phải được gửi lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, thì thông báo mời họp cuộc họp lần thứ ba phải được gửi lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Đến giờ khai mạc đại hội, Ban tổ chức ổn định tổ chức, thực hiện nghi lễ chào cờ Tổ quốc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và mời Ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố biên bản kiểm tra tư cách cổ đông theo quy định tại tiết b mục này. Đại hội được tiến hành theo trình tự sau: Ban tổ chức mời Chủ tịch HĐQT (hoặc Chủ tọa đại hội được ủy quyền; Chủ tọa được bầu trực tiếp tại đại hội theo quy định tại Điều lệ) lên chủ tọa đại hội. Chủ tọa giới thiệu với đại hội bầu Thư ký đại hội để ghi biên bản và nghị quyết đại hội; Chủ tọa thông báo và đề nghị đại hội biểu quyết chương trình đại hội; Chủ tọa điều hành đại hội thực hiện lần lượt chương trình nghị sự.

9. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (tổ chức họp trực tiếp) được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

10. Cách thức bỏ phiếu:

Các nội dung báo cáo và các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được biểu quyết công khai và trực tiếp tại Đại hội. Cổ đông hoặc người được ủy quyền sẽ sử dụng thẻ biểu quyết để biểu quyết tại cuộc họp. Chủ tọa quyết định cách thức biểu quyết đối với từng vấn đề; ý kiến biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

11. Cách thức kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu của Đại hội được ĐHĐCĐ bầu ra theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Kết quả kiểm phiếu được xác định bằng cách đếm biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành.

12. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo điều 148 Luật doanh nghiệp và điều 23 Điều lệ.

13. Ban kiểm phiếu được đại hội bầu ra kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của thành viên BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của HĐQT, BĐH Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

14. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ:

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp theo quy định của điều 151 Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty.

Nghị quyết ĐHĐCĐ vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

15. Biên bản họp ĐHĐCĐ được lập bởi Thư ký đại hội do Chủ tọa đề cử. Biên bản họp phải được lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Chủ tọa và Đoàn thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

16. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

17. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Nghị quyết ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

Điều 4. Họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Các trường hợp không được thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

1.1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty.

1.2. Định hướng phát triển công ty.

1.3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

1.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS.

1.5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định.

1.6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

1.7. Tổ chức lại, giải thể công ty.

1.8. Các trường hợp khác theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (tham khảo điều 149 Luật Doanh nghiệp):

2.1. HĐQT thống nhất và ra quyết định về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều này.

2.2. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông được gửi phiếu lấy ý kiến tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.3. HĐQT lập danh sách cổ đông được gửi phiếu lấy ý kiến dựa trên danh sách cổ đông tại thời điểm chốt quyền. Danh sách phải bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp và được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo.

2.4. HĐQT chuẩn bị phiếu để lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và sẽ gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất trong thời gian mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

Phiếu lấy ý kiến cổ đông và các tài liệu liên quan kèm theo được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng tải trên trang thông tin

điện tử của Công ty (trường hợp không gửi kèm được tài liệu thì phiếu lấy ý kiến phải chỉ rõ đường dẫn đến tài liệu).

2.5. Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo hình thức sau đây:

- Gửi thư;
- Gửi fax;
- Gửi thư điện tử.

Phiếu lấy ý kiến của các cổ đông phải gửi về công ty trước thời hạn xác định và phải đảm bảo tuân thủ các điều kiện về hình thức theo quy định. Phiếu trả lời ý kiến cổ đông phải được bảo mật tuyệt đối trước khi thực hiện kiểm phiếu.

Trường hợp các phiếu lấy ý kiến các cổ đông được gửi về công ty sau thời hạn đã xác định trong nội dung của phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở ra trong trường hợp gửi thư hoặc đã bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.

Phiếu lấy ý kiến của cổ đông không được gửi về công ty sẽ được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.6. HĐQT công ty tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS công ty hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý trong công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

Các thành viên trong HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định đã được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.7. Gửi Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết đến các cổ đông trong thời hạn là mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; hoặc có thể thực hiện thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản các cổ đông thì nghị quyết của ĐHĐCĐ công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất là năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết tán thành. Nghị quyết ĐHĐCĐ công ty được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị tương đương như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2.8. Công ty lưu giữ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến tại trụ sở chính của công ty cho đến khi hết mỗi nhiệm kỳ và được HĐQT nhiệm kỳ tiếp theo thông qua việc hủy bỏ.

2.9. Các vấn đề khác thực hiện theo điều 149 Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.

Điều 5. Họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: HĐQT quyết định việc tổ chức họp trực tuyến nếu như nền tảng công nghệ thông tin và viễn thông của công ty cho phép, sẽ thuê đơn vị cung cấp dịch vụ và tư vấn thực hiện tổ chức ĐHĐCĐ trên hệ thống trực tuyến theo quy định. Thông báo triệu tập được thực hiện như điều 3.

2. Điều kiện, cách thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

2.1. Điều kiện tham dự: tương tự điều 3.

2.2. HĐQT có trách nhiệm ban hành quy định về việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến gửi kèm thông báo mời họp trong đó quy định rõ về các thức đăng ký, việc ủy quyền, điều kiện và hình thức thông qua, hướng dẫn cách thức bỏ phiếu/kiểm phiếu trên hệ thống họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tuyến.

3.1. Cách thức biểu quyết trực tuyến: Cổ đông/đại diện ủy quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến. Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện ngay sau khi cổ đông/đại diện ủy quyền đã đăng ký dự họp trực tuyến và đăng nhập thành công hoặc có thể thực hiện tại mỗi thời điểm phát sinh nội dung biểu quyết khi theo dõi cuộc họp trực tuyến.

4. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

4.1. Khi cổ đông/đại diện ủy quyền thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số phiếu tán thành và số phiếu không tán thành.

4.2. Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.

5. Thông báo kết quả kiểm phiếu. Căn cứ kết quả kiểm phiếu ghi nhận trên hệ thống kiểm phiếu, ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp, báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định tại khoản Điều 3 Quy chế này và được thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

7. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ được thực hiện công bố theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

Điều 6. Hội đồng quản trị.

HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế hoạt động của HDQT và các quy chế, quy định định nội bộ của công ty; đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến công ty.

1. HĐQT, Thành viên HĐQT có vai trò, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định khác có liên quan.

2. HĐQT có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của công ty về việc quy hoạch trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm, luân chuyển, miễn nhiệm cán bộ quản lý (ban điều hành và cán bộ khác) thuộc thẩm quyền quản lý của HĐQT:

2.1. Tất cả cán bộ được quy hoạch trước khi bổ nhiệm. Điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định cán bộ của công ty.

2.2. Đảm bảo tuân thủ chủ trương, nghị quyết và lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ của đảng ủy; Đảng ủy nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, quy trình, quy định và thẩm quyền được phân cấp quản lý cán bộ của HĐQT.

2.3. Phân cấp cán bộ quản lý tại công ty con tương đương với cấp cán bộ quản lý tại công ty (làm rõ hơn khoản 1, điều 34 Điều lệ) như sau:

- Chủ tịch/Giám đốc công ty con tương đương Phó TGĐ công ty.
- Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc công ty con tương đương như cấp Trưởng phòng/ban đơn vị công ty.
- Kế toán trưởng/Trưởng BKS/Trưởng các đơn vị công ty con, Người đại diện vốn tại công ty con tương đương như cấp Phó Trưởng phòng/ban đơn vị công ty.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

3.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 điều 27 và khoản 1 điều 26 Điều lệ.

3.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và các quy định/quy chế quản lý cán bộ của công ty.

3.3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 3 điều 26 Điều lệ.

3.4. Cách thức bầu: Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.

- Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, có ghi số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu, số cổ phiếu bầu mỗi cổ đông dự đại hội, có đóng dấu công ty.
- Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.
- Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

3.5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành.
- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung mà cổ đông không xác nhận lại nội dung sửa đổi với Ban kiểm phiếu;
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử.
- Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: Theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT: Thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT; Điều lệ, quy định trả lương của công ty.

7. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT: theo quy chế hoạt động của HĐQT.

Trường hợp đặc biệt không thể triệu tập cuộc họp hoặc Chủ tịch HĐQT xét thấy vấn đề thảo luận có thể lấy ý kiến từng thành viên (bằng phiếu lấy ý kiến hoặc dự thảo biên bản và/hoặc nghị quyết HĐQT) mà không ảnh hưởng đến lợi ích chung, thì các biên bản/nghị quyết được đa số các thành viên tán thành và ký tên thì có giá trị như khi tổ chức họp trực tiếp. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành các nghị quyết/quyết định liên quan. Các phiếu lấy ý kiến hoặc dự thảo nghị quyết HĐQT có xác nhận của từng thành viên phải được lưu tại văn phòng HĐQT và được coi giá trị tương đương biên bản cuộc họp HĐQT.

8. HĐQT có trách nhiệm cập nhật, sửa đổi quy chế hoạt động của HĐQT theo quy định trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo quy định (trường hợp quy chế hiện tại phù hợp với yêu cầu của quy chế mẫu thì không cần ban hành lại, HĐQT có trách nhiệm trình ĐHĐCD thông qua nếu có các sửa đổi cập nhật tiếp theo).

9. HĐQT nếu xét thấy cần thiết có thể lập các tiểu ban trực thuộc theo quy định của pháp luật và khoản 11 điều 28 Điều lệ.

10. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: thực hiện theo điều điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và khoản 12 điều 28 Điều lệ.

Điều 7. Ban Kiểm soát.

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS: BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, BĐH, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc, cổ đông và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông (chi tiết theo điều 37, điều 38 Điều lệ).

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS (chi tiết theo điều 36 Điều lệ).

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS (chi tiết theo khoản 5 điều 36 Điều lệ).

4. Đề cử, ứng cử thành viên BKS (chi tiết theo khoản 3 điều 36 Điều lệ).

5. Cách thức bầu thành viên BKS giống như đối với bầu thành viên HĐQT.

6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS; Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS: thực hiện theo điều 39 Điều lệ và quy chế công bố thông tin của công ty.

7. Thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS: Thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ; khoản 12 điều 38 Điều lệ, quy định trả lương của công ty.

8. BKS có trách nhiệm cập nhật, sửa đổi quy chế hoạt động của BKS theo quy định trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định (trường hợp quy chế hiện tại phù hợp với yêu cầu của quy chế mẫu thì không cần ban hành lại, BKS có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ thông qua nếu có các sửa đổi cập nhật tiếp theo).

Điều 8. Tổng Giám đốc.

1. Vai trò, trách nhiệm: Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động (nếu có) và các nghị quyết/quyết định của HĐQT; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc theo quy định của khoản 4 điều 35 Điều lệ và các quy định của pháp luật.

3. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

3.1. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

3.2. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty.

3.3. Thỏa mãn tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc quy định tại khoản 3 điều 35 Điều lệ Công ty.

3.4. Thành viên khác trong Ban điều hành công ty cũng phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện như Tổng Giám đốc.

4. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm nhưng không kéo dài quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật (ngoại trừ có ý kiến khác của Chủ sở hữu), và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. HĐQT bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc theo quy định về tổ chức cán bộ của công ty.

6. Việc đề cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc phải được thông qua nghị quyết HĐQT, Người đại diện vốn nhà nước tham gia HĐQT phải xin ý kiến của chủ sở hữu theo quy định trước khi thực hiện. Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và quy chế công bố thông tin của công ty.

7. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc được hưởng tiền lương, tiền thưởng, do HĐQT quyết định và được quy định chi tiết theo quy định trả lương của Công ty.

Điều 9. Các hoạt động khác.

1. Việc phân cấp quyền và trách nhiệm của ĐHĐCĐ, HĐQT, BĐH, BKS được quy định chi tiết theo Phụ lục 1: Bảng phân quyền quyết định, thẩm định, đề xuất các công việc đính kèm quy chế này; Phụ lục 2: Danh mục phân quyền phê duyệt, phân phối các quy chế, quy định.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cán bộ quản lý trong công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá ba (03) ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá năm (05) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên công ty mà không thông qua Tổng giám đốc hoặc Trưởng đơn vị trực thuộc công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.

3. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc theo Điều lệ Công ty, chương IV quy chế hoạt động của HĐQT, các quy chế và quy định khác liên quan. Các trường hợp Tổng Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT phải được lập dưới hình thức văn bản và phải nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. BKS và Tổng Giám đốc được quyền nhận thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT như đối với thành viên HĐQT.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch HĐQT, HĐQT khi có yêu cầu.

6. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc xét thấy các sự việc cần thiết khác, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác cần báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT được biết. HĐQT phải tổ chức họp để cho ý kiến/giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo yêu cầu của Tổng Giám đốc và BKS theo quy định tại điều 30 Điều lệ và của pháp luật.

7. HĐQT được quyền yêu cầu Tổng giám đốc và Ban điều hành báo cáo, kiểm điểm định kỳ công việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề được ủy quyền từ HĐQT. Tổng Giám đốc/Ban Điều hành cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát Công ty theo quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin số liệu báo cáo cung cấp cho HĐQT phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của Công ty, phù hợp với yêu cầu quản trị của Công ty và quy định pháp luật.

8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên:

8.1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết HĐQT thông qua các giao dịch nêu trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

8.2. Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

8.3. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời đại diện Ban kiểm soát tham gia và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8.4. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

8.5. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo

tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8.6. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của Người điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người điều hành với những nơi họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích nhằm phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn ngừa những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty.

8.7. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại, tham vấn Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông.

8.8. Ban Kiểm soát được nhân danh Công ty để tiếp các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước, trực tiếp làm việc và cung cấp tài liệu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời có quyền từ chối làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra nếu cho rằng việc kiểm tra, thanh tra của họ là không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;

8.9. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý điều hành khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty/đơn vị theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

8.10. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

9. Trong quá trình thực hiện điều hành hoạt động của công ty; Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và các cấp quản lý của công ty có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ và kịp thời theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng ủy và cấp ủy quy định tại điều 41 điều lệ và quy chế làm việc của Đảng ủy công ty.

10. Mối quan hệ của HĐQT/BĐH/BKS/Người quản lý (Chính quyền) với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên, cựu chiến binh) được quy định tại các khoản 1, 2, 4 điều 41 điều lệ.

Mối quan hệ giữa Chính quyền và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội là mối quan hệ trong đó thể hiện sự tôn trọng tính độc lập trong hoạt động của mỗi tổ chức; Do đó cần có sự phối hợp, bàn bạc, đồng thuận với chính quyền các cấp tạo điều kiện để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Thể hiện ở một số khía cạnh:

- Phối hợp để thực hiện các nhiệm vụ: Phối hợp chỉ đạo việc thực hiện dân chủ trong công ty, tổ chức và chỉ đạo các phong trào thi đua, công tác tuyên truyền giáo dục.

- Mối quan hệ hỗ trợ giữa chính quyền và các tổ chức nêu trên trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các cựu chiến binh, người lao động, đoàn viên thanh niên.

- Chính quyền tạo điều kiện hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát việc tuân thủ theo điều lệ hoạt động của các tổ chức cũng như quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ của các ủy viên trong tổ chức này.

- Tổ chức chính trị - xã hội là các tổ chức tiên phong, vận động các hội viên/thành viên của mình thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ được giao, tuân thủ sự điều hành và chỉ đạo của cấp chính quyền và tham mưu kịp thời việc các công việc liên quan cho các cấp chính quyền.

Điều 10. Đánh giá, khen thưởng, kỷ luật.

1. Đánh giá: Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công theo Quy định phân công nhiệm vụ HĐQT, BKS xem xét các kết quả đạt được, tổ chức đánh giá hoạt động HĐQT/BKS và từng thành viên; Báo cáo trong báo cáo của HĐQT/BKS tại ĐHĐCĐ thường niên. Việc đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác được thực hiện theo Quy định phân công nhiệm vụ Ban điều hành Công ty và các quy định, quy chế nội bộ liên quan khác.

2. Việc khen thưởng đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại khoản 1 điều này và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế hàng năm.

- Hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc các hình thức khác do HĐQT xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng giám đốc lập kế hoạch trình HĐQT phê duyệt, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua.

- Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng sẽ do Tổng giám đốc đề xuất HĐQT phê duyệt, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua.

3. Kỷ luật: Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành.

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng gồm 11 điều và 01 phụ lục có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, và thay thế quy chế Quản trị nội bộ Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 378/QĐ-CNHP ngày 09/8/2018 của Công ty.

2. Quy chế này đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày ...../4/2022. Quy chế này được phân phối đến các tổ chức/đoàn thể, đơn vị trực thuộc công ty, các tổ chức/cá nhân liên quan; Là những nguyên tắc căn bản trong công tác quản trị nội bộ công ty.

3. Các Cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

4. Những nội dung chưa được đề cập đến trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của Công ty. Trong trường hợp các nội dung trong Quy chế này trở nên không phù hợp do các quy định của pháp luật hiện hành thay đổi mà Quy chế này chưa kịp sửa đổi thì các quy định của pháp luật hiện hành sẽ được ưu tiên áp dụng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Việt Cường

PHỤ LỤC 1: BẢNG PHÂN QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, THẨM ĐỊNH, ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG VIỆC

(QĐ: quyết định, phê duyệt; TĐ: thẩm định; ST: soạn thảo, đề xuất; theo thứ tự từ nhỏ đến to)

TT	Các nội dung theo thẩm quyền quyết định/phê duyệt	ĐHĐCĐ	HĐQT	CT HĐQT	TGĐ	PTGĐ/ KTT	BKS	BTK ĐV	Ghi chú
I.	Thông qua định hướng phát triển của Công ty, Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty (các chỉ tiêu chính).	QĐ	TĐ2	ST4	ST3	ST2	TĐ1	ST1	
	Báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT.	QĐ	TĐ2	ST4	ST3	ST2	TĐ1	ST1	
	Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS.	QĐ	TĐ2	TĐ1			ST1		
	Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận.	QĐ	TĐ3	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	
HĐQT1	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, ngắn hạn và kế hoạch công tác hàng năm của Công ty; Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng năm; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua.		QĐ	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
HĐQT2	Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.Trình báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty lên ĐHĐCĐ.		QĐ	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	
CT1	Triệu tập và chủ tọa ĐHĐCĐ; Chỉ đạo lập báo cáo tài chính hàng năm; Chỉ đạo lập kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm; Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty lên ĐHĐCĐ...			QĐ				ST	
CT2	Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; Phân công các thành viên HĐQT kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty. Chuẩn bị hoặc chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.			QĐ				ST	Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty

TT	Các nội dung theo thẩm quyền quyết định/phê duyệt	ĐHĐCĐ	HĐQT	CT HĐQT	TGĐ	PTGĐ/ KTT	BKS	BTK ĐV	Ghi chú
	Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.								
2.	Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.	QĐ	TĐ2	ST4	ST3	ST2	TĐ1	ST1	Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị.
HĐQT3	Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.		QĐ	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	
HĐQT4	Quyết định mua lại cổ phần của Công ty đã bán, nhưng không quá 10% số lượng cổ phần từng loại đã bán trong thời hạn mười hai tháng.		QĐ	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	Trường hợp khác do ĐHĐCĐ quyết định
HĐQT5	Kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; Tổ chức việc chi trả cổ tức; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.		QĐ	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	
HĐQT6	Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng nhận về quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi.		QĐ	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	
3.	Số lượng thành viên HĐQT, BKS; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với HĐQT, BKS. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.	QĐ	TĐ	ST5	ST4	ST3	ST2	ST1	
HĐQT7	Quyết định thù lao cụ thể cho từng thành viên của HĐQT, BKS, BTK; Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền		QĐ	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	Thành viên HĐQT thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm

TT	Các nội dung theo thẩm quyền quyết định/phê duyệt	ĐHĐCĐ	HĐQT	CT HĐQT	TGĐ	PTGĐ/ KTT	BKS	BTK ĐV	Ghi chú
	sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.								ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
HĐQT8	Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với: Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng (KTT) và các cán bộ quản lý cao cấp khác. Thành lập các tiểu ban trực thuộc (nếu cần); bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty. Giải quyết các khiếu nại đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan.		QĐ	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	Tổng Giám đốc đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ và các quyền lợi khác đối với Phó Tổng Giám đốc, KTT.
CT3	Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với trưởng, phó các phòng ban, xí nghiệp, chi nhánh; KTT Ban QLCTCN, BTK Công ty, Thư ký Chủ tịch, Thư ký Tổng Giám đốc, đại diện Công ty tại các liên doanh, các cán bộ quản lý cấp trung khác. Phê duyệt các định mức, quy chế quản lý nội bộ công ty. Phê duyệt tuyển dụng lao động trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.			QĐ	TĐ	ST2		ST	Tổng Giám đốc Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần để HĐQT thông qua khi cần thiết. Tổng Giám đốc đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ và các quyền lợi khác đối với các chức danh này Tổng Giám đốc Đề xuất tuyển dụng lao động trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và đảm bảo tiêu chuẩn theo Quy chế của Công ty.
TGĐ1	Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, thuyên chuyển vị trí công tác, quyết định mức lương, lợi ích khác đối với cán bộ quản lý cấp cơ sở: tổ trưởng, tổ phó và cán bộ, công nhân viên ở cấp thấp hơn.				QĐ	TĐ		ST	Thông qua Chủ tịch HĐQT đối với trường hợp điều chuyển lao động trực tiếp sang gián tiếp.
4.	Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, BKS	QĐ	TĐ2	ST4	ST3	ST2	TĐ1	ST1	

TT	Các nội dung theo thẩm quyền quyết định/phê duyệt	ĐHĐCĐ	HĐQT	CT HĐQT	TGĐ	PTGĐ/ KTT	BKS	BTK ĐV	Ghi chú
5.	Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý. Thông qua chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.	QĐ	TĐ2	ST4	ST3	ST2	TĐ1	ST1	
HĐQTV	Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.		QĐ	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	
HĐQTV	Quyết định cơ cấu tổ chức công ty đến cấp các phòng, ban, chi nhánh trực thuộc; Ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty và giám sát việc thực hiện các quy chế đã ban hành; Quyết định thành lập Công ty con, liên doanh, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.		QĐ	TĐ	ST3	ST2	TĐ1	ST1	HĐQT quyết định mua cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài phải được HĐQT phê chuẩn.
6.	Quyết định đầu tư, bán số tài sản.	≥35%TS	TĐ2	ST4	ST3	ST2	TĐ1	ST1	TS: Tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất
HĐQTV	Quyết định chủ trương đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm và dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư cấp nước ra các vùng sâu, xa vì nhiệm vụ chính trị, an sinh xã hội khi có nhu cầu.		QĐ	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	Tổng Giám đốc thay mặt HĐQT quản lý toàn bộ tài sản của Công ty
HĐQTV	Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty		QĐ	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng đó
HĐQTV	Vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty có giá trị trên 5% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;		QĐ	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	

TT	Các nội dung theo thẩm quyền quyết định/phê duyệt	ĐHĐCĐ	HĐQT	CT HĐQT	TGĐ	PTGĐ/ KTT	BKS	BTK ĐV	Ghi chú
	Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính.								
CT4	Phê duyệt dự án đầu tư. Thay mặt HĐQT ký các văn bản, quyết định, quy định, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của HĐQT và đã được HĐQT thông qua theo đúng quy định.			QĐ	TĐ2	ST2	TĐ1	ST1	
7.	Hợp đồng và giao dịch với những người có liên quan.	>35%TS	≤35%TS	TĐ2	ST3	ST2	TĐ1	ST1	Đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp ĐHĐCĐ Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
TGĐ2	Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo quy chế của Công ty được HĐQT thông qua.				QĐ	TĐ		ST	Tổng Giám đốc Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án liên quan đến quyền lợi và để bảo đảm các quyền lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.
TGĐ3	Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty. Tổ chức thực hiện các kế hoạch công tác. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với người lao động và cán bộ quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền và được sự phê chuẩn của HĐQT. Xây dựng và trình duyệt: các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, đơn giá tiền lương, thưởng và các quy chế nội bộ. Kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện các				QĐ	TĐ		ST	Vào tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo

TT	Các nội dung theo thẩm quyền quyết định/phê duyệt	ĐHĐCĐ	HĐQT	CT HĐQT	TGĐ	PTGĐ/ KTT	BKS	BTK ĐV	Ghi chú
	định mức, tiêu chuẩn, đơn giá, các quy định trong nội bộ của Công ty.								
BKS1	Thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty: Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng. Kiến nghị HĐQT hoặc DHDCD các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.						QĐ	ST	BKS chịu sự lãnh đạo trực tiếp của ĐHĐCĐ. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC PHÂN QUYỀN PHÊ DUYỆT, PHÂN PHỐI CÁC QUY CHẾ, QUY ĐỊNH

- Quy chế, quy định được phân nhóm thành 06 lĩnh vực, Thẩm quyền phê duyệt từng nhóm theo cột "Phê duyệt" trong bảng. Một số quy định về phối hợp với Đảng ủy, các Đoàn thể thì việc phê duyệt sẽ bao gồm cả Đảng ủy/Đoàn thể liên quan.
- Bộ phận/Đơn vị được chỉ định tại cột "Đơn vị QL" có trách nhiệm: rà soát định kỳ các quy định/quy chế theo quy định tại cột "tần suất rà soát" để cập nhật những thay đổi (do luật định, quy định mới hoặc thay đổi từ thực tế SXKD) trình duyệt lại theo thẩm quyền quy định tại cột "Phê duyệt"; Phân phối tài liệu đến đơn vị/cá nhân liên quan để nắm bắt và kịp thời áp dụng các thay đổi.
- Đối với quy chế/quy định phát sinh, Chủ tịch HĐQT phân công thành phần chuẩn bị, quyết định xây dựng và được cập nhật vào phụ lục này vào thời điểm thích hợp báo cáo ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua theo thẩm quyền.
- Ngoài các phân quyền tại phụ lục này, các quy chế/quy định cần được xây dựng và phê duyệt phù hợp với yêu cầu của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội (nếu có).

TT	Tên Quy chế, Quy định	Phân quyền quản lý, phê duyệt				Phân phối tài liệu ("X" chia sẻ cho toàn bộ; "L" chia sẻ cho người liên quan)														Ghi chú
		Mã hiệu	Đơn vị QL	Tần suất rà soát	Phê duyệt	Cổ đông	HĐQT	CT, TGĐ	BĐH	BKS	BTK	Trưởng ĐV	Phó ĐV	Nhân viên	Đảng ủy	Công đoàn	Đoàn thể	ĐD UQ	Công ty con/LK	
1. Quy chế chung (thẩm quyền phê duyệt thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT, BCHĐU cho ý kiến chỉ đạo)																				
1.1	Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty	QC-01	BTK	Năm	ĐHĐCĐ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
1.2	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	QCC-01	BTK	Năm	ĐHĐCĐ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
1.3	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	QCC-02	BKS	Năm	ĐHĐCĐ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
1.4	Quy chế quản trị các Đơn vị thành viên	QCC-03	BTK	Năm	HĐQT	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
1.5	Quy chế kiểm toán nội bộ	QCC-04	TCKT	Năm	HĐQT	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
1.6	Quy chế công bố thông tin	QCC-06	BTK	Năm	HĐQT	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
1.7	Quy chế thanh lý, nhượng bán tài sản	QĐKT-07	TCKT	Năm	HĐQT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
2. Quy định chung																				
2.1	Quy định về Chỉ đạo/Phối hợp Đảng - Chính quyền - Công đoàn - Đoàn Thanh niên	QĐC-01	TCHC	Năm	BĐH, ĐU, CĐ, ĐTN		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
2.2	Quy định Phân công nhiệm vụ Ban điều hành Công ty	QĐC-02	BTK	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
3. Liên quan lĩnh vực Nhân sự (thẩm quyền phê duyệt thuộc Chủ tịch HĐQT, BTV cho ý kiến chỉ đạo)																				
3.1	Nội quy lao động	QĐNS-01	TCHC	3 Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		

TT	Tên Quy chế, Quy định	Phân quyền quản lý, phê duyệt				Phân phối tài liệu ("X" chia sẻ cho toàn bộ; "L" chia sẻ cho người liên quan)														Ghi chú
		Mã hiệu	Đơn vị QL	Tần suất rà soát	Phê duyệt	Cổ đông	HĐQT	CT, TGĐ	BĐH	BKS	BTK	Trưởng ĐV	Phó ĐV	Nhân viên	Đảng ủy	Công đoàn	Đoàn thể	DD UQ	Công ty con/LK	
3.2	Thỏa ước lao động tập thể	QĐNS-02	TCHC	3 Năm	CT, CĐ		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
3.3	Quy định Tuyển dụng lao động	QĐNS-03	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3.4	Quy định Đào tạo	QĐNS-04	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3.5	Quy định Thi đua khen thưởng	QĐNS-05	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3.6	Quy định Áp dụng hình thức kỷ luật sa thải	QĐNS-06	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3.7	Quy định Trả lương theo mức độ hoàn thành công việc	QĐNS-07	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3.8	Quy định tính lương nhân viên TNBĐ	QĐNS-08	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3.9	Quy định Tổ chức cán bộ	QĐNS-09	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		L	
3.10	Quy định Quy định trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	QĐNS-10	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		L	
3.11	Quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh	QĐNS-11	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		L	
4. Liên quan lĩnh vực TCKT (thẩm quyền phê duyệt thuộc Chủ tịch HĐQT, BTV cho ý kiến chỉ đạo)																				
4.1	Quy định Quản lý tài chính	QĐKT-01	TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
4.2	Quy định Chi tiêu nội bộ	QĐKT-02	TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
4.3	Quy định Quản lý công nợ và hàng tồn kho	QĐKT-03	TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
4.4	Quy định quản lý xe ô tô	QĐKT-04	TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
4.5	Quy định về mua sắm tài sản	QĐKT-05	TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
4.6	Quy định quản lý hệ thống SCADA	QĐKT-06	TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
4.7	Quy định Quản lý công nợ và hàng tồn kho	QĐKT-07	TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
4.8	Quy định quản lý thu khác		TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			

TT	Tên Quy chế, Quy định	Phân quyền quản lý, phê duyệt				Phân phối tài liệu ("X" chia sẻ cho toàn bộ; "L" chia sẻ cho người liên quan)														Ghi chú
		Mã hiệu	Đơn vị QL	Tần suất rà soát	Phê duyệt	Cổ đông	HĐQT	CT, TGĐ	BĐH	BKS	BTK	Trưởng ĐV	Phó ĐV	Nhân viên	Đảng ủy	Công đoàn	Đoàn thể	ĐD UQ	Công ty con/LK	
5. Liên quan lĩnh vực Hành chính (thẩm quyền phê duyệt thuộc BĐH, Bí thư đảng ủy cho ý kiến chỉ đạo)																				
5.1	Quy định Hoạt động của TT Chăm sóc khách hàng (Call center)	QĐHC-01	TCHC	Năm	BĐH		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
5.2	Quy chế Thực hiện dân chủ	QĐHC-02	CĐ	Năm	BĐH, ĐU, CĐ		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			Nghị định 149/2018/ NĐ-CP
5.3	Quy chế Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc	QĐHC-03	CĐ	Năm	BĐH, ĐU, CĐ		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
5.4	Quy chế Tổ chức hội nghị Người lao động	QĐHC-04	CĐ	Năm	BĐH, ĐU, CĐ		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
5.5	Quy định Sử dụng văn phòng điện tử	QĐHC-05	TCHC	Năm	BĐH		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
5.6	Quy định Thuê và sử dụng nhà ở công vụ	QĐHC-06	TCHC	Năm	BĐH		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
5.7	Quy định công tác Văn thư lưu trữ	QĐHC-07	TCHC	Năm	BĐH		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
5.8	Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng quỹ tình thương	QĐHC-08	CĐ	Năm	BĐH, ĐU, CĐ		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
5.9	Quy định Công tác quân sự và hoạt động của LL tự vệ	QĐHC-09	TCHC	Năm	BĐH		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
5.10	Quy định về tổ chức các cuộc họp, hội nghị	QĐHC-10	TCHC	Năm	BĐH		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
6. Liên quan lĩnh vực Đầu tư (thẩm quyền phê duyệt thuộc CT HĐQT, BTV cho ý kiến chỉ đạo)																				
6.1	Quy định Tổ chức, phân công nhiệm vụ trong công tác Đầu tư đấu thầu	QĐĐT-01	QL HĐXD	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	L	L	x					
6.2	Quy định về sửa chữa lớn	QĐĐT-02	KH	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	L	L	x					

ĐH2022-13.3

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-HĐQT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ theo Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 76/BB-HĐQT ngày 23/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty *(Chi tiết tài liệu kèm theo).*

(Nội dung bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty đã được công bố thông tin theo quy định, đăng tải trên website của Công ty và thông báo tới các quý cổ đông trong thông báo mời họp.)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Việt Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(QCC - 05)

Hải Phòng, Tháng ..../2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 3
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 7
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. 10
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 12
CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 13
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm 13
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 13
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan 14
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 14
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 14
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành 15
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát 15
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 15
Điều 23. Hiệu lực thi hành 15

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

DỰ THẢO

Hải Phòng, ngày .... tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-HĐQT ngày .... tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng)

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 09/04/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc hoàn tất thủ tục chuyển Công ty TNHH MTV cấp nước Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc miễn nhiệm và cử, cử lại người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ vào biên bản cuộc họp của Hội đồng Quản trị họp ngày ..../...../2021;

Trên cơ sở kế thừa, cập nhật các quy định/quy chế liên quan trước đây, Công ty CP Cấp nước Hải Phòng xây dựng và ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty như sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

2.1. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

2.2. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

2.3. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

2.4. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, các đơn vị thành viên, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

2.5. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

2. Tốt nghiệp Đại học, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh. Ưu tiên người có kinh nghiệm quản lý thuộc lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo điều lệ.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Bí thư đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐQT công ty, Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

3.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; phân công các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty.

3.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

3.3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

3.5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3.6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức

vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì thực hiện theo khoản 3 điều 29 Điều lệ công ty.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

5.1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

5.2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

5.3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

5.4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

5.5. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

1.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp;

1.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

1.3. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

2.1. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

2.2. Trường hợp khác quy định tại Diều lệ công ty

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

4.1. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

4.2. Trừ trường hợp quy định tại điểm 4.1 khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

1.1. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải được lập thành danh sách và gửi văn bản cho Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

1.2. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

1.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

1.2. Trình độ chuyên môn;

1.3. Quá trình công tác;

1.4. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

1.5. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

1.6. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

1.7. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

2.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

2.3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

2.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.

2.5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

2.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.

2.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

2.8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

2.9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

2.10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

2.11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

2.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.

2.13. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

2.14. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

2.15. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.

2.16. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của từng thành viên Hội đồng quản trị được phân công cụ thể theo quyết định của Hội đồng quản trị về phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch với đối tượng có liên quan

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội

đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

1.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

1.2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

1.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

1.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

1.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm 1.3 và điểm 1.4 khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

3.1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

3.2. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.

3.3. Lập chương trình và nội dung cuộc họp.

3.4. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

3.5. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

3.6. Xác định thời gian và địa điểm họp.

3.7. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp.

3.8. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng

tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường để giải quyết các công việc theo thẩm quyền.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

3.1. Có đề nghị của Ban kiểm soát.

3.2. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 03 thành viên ban điều hành khác.

3.3. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

3.4. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (nếu cần).

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thông báo trên mạng nội bộ hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và/hoặc bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

9.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

9.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

9.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

9.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

9.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

1.2. Thời gian, địa điểm họp;

1.3. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

1.4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

1.5. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

1.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

1.7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

1.8. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

1.9. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ 1.1 đến 1.8 khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt. Trường hợp có lập biên bản bằng cả tiếng nước ngoài mà có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

1.1. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.

1.2. Báo cáo tài chính.

1.3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.

1.4. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm 1.1, 1.2, 1.3 khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một

thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

1.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

1.2. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản

trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng bao gồm 07 chương, 23 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành và thay thế cho các nội dung liên quan tại các quy chế/quy định trước kia. Việc sửa đổi, ban hành lại quy chế này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Quy chế này đã được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Quy chế này được phân phối đến các tổ chức/đoàn thể, đơn vị trực thuộc công ty, các cá nhân liên quan; Là những nguyên tắc căn bản trong hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.

Trong trường hợp các nội dung trong Quy chế này trở nên không phù hợp do các quy định của pháp luật hiện hành thay đổi mà Quy chế này chưa kịp sửa đổi thì các quy định của pháp luật hiện hành sẽ được ưu tiên áp dụng.

Các thành viên Hội đồng quản trị, các bộ phận, cá nhân, đơn vị liên quan trong Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Việt Cường

ĐH2022-13.4

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-BKS

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ theo Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 76/BB-HĐQT ngày 23/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 01/BB-BKS ngày 21/3/2022 của Ban kiểm soát Công ty CP Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty *(Chi tiết tài liệu kèm theo).*

(Nội dung bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty đã được công bố thông tin theo quy định, đăng tải trên website của Công ty và thông báo tới các quý cổ đông trong thông báo mời họp.)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Lê Thị Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
(QCC - 02)

Hải Phòng, Tháng ..../2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 4
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN) 4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát 4
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát 4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát 4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát 5
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát 5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 6
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 6
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT 7
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát 7
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát 9
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 9
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT 10
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát 10
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát 10
CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH 10
Điều 16. Trình báo cáo hằng năm 10
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác 11
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan 11
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT 12
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát 12
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành 12
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị 12
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 12
Điều 22. Hiệu lực thi hành 12

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày ... tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ...../NQ-ĐHĐCĐ-2022 ngày .... tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 09/04/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc hoàn tất thủ tục chuyển Công ty TNHH MTV cấp nước Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc miễn nhiệm và cử, cử lại người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày ..../4/2022;

Trên cơ sở kế thừa, cập nhật các quy định/quy chế liên quan trước đây, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng xây dựng và ban hành Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty như sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có thành viên từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên của Ban kiểm soát trong mỗi nhiệm kỳ.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lhệ công ty.

8. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty; người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Tùy theo tỷ lệ sở hữu tổng số cổ phần phổ thông của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử tối đa số thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

1.1. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

1.2. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại

Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

1.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp.

1.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

1.3. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây.

2.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

2.2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

2.3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.4. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết

thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

1.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

1.2. Trình độ chuyên môn;

1.3. Quá trình công tác;

1.4. Các chức danh quản lý khác;

1.5. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

1.6. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

1.7. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này

không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

1.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo.

1.2. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

1.3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1.1. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.

1.2. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

1.3. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

1.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

1.2. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng

quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 4 năm 2022.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐH2022-15

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Số: /Ttr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Về việc thông qua các báo cáo hoạt động SXKD; BCTC năm 2021; Báo cáo của HĐQT; Báo cáo của BKS; Báo cáo về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2021; Báo cáo Thù lao của HĐQT, BKS; Báo cáo Lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2022; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi và bổ sung lần thứ 3; Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của BKS của Công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ văn bản số .../UBND-DN ngày .../.../2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc cho ý kiến để người đại diện phần vốn nhà nước biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 71/BB-HĐQT ngày 01/3/2022, số 76/BB-HĐQT ngày 23/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Căn cứ vào các Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty; Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán; Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2021, Kế hoạch hoạt động năm 2022; Báo cáo của BKS về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ, BKS năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022; Báo cáo quyết toán thù lao năm 2021 và phương án chi trả thù lao năm 2022 của HĐQT, BKS; Báo cáo về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2021; Báo cáo lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2022; Báo cáo về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động lần thứ 3; Báo cáo thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Báo cáo thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các báo cáo:

(1) Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty.

(2) Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

(3) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022.

(4) Báo cáo của BKS về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ, BKS năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

(5) Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2021.

(6) Báo cáo quyết toán thù lao năm 2021 và phương án chi trả thù lao năm 2022 của HĐQT, BKS, BTK.

(7) Báo cáo lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

(8) Báo cáo về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động lần thứ 3 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

(9) Báo cáo thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

(10) Báo cáo thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

(11) Báo cáo thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Xin kính trình Đại hội!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Việt Cường

ĐH2022-17

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Số: /NQ-ĐHĐCĐ-2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 26 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản họp và Biên bản kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng ngày 26/4/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty *(Chi tiết kèm theo)*, với một số chỉ tiêu chính:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022
1	Nước sản xuất	triệu m3	83,87	83,03	84,94
2	Nước tiêu thụ	triệu m3	74,76	74,87	76,67
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác *Trong đó: Doanh thu sản xuất kinh doanh nước sạch*	tỷ đồng	948,7 *902,6*	959,4 *897,9*	973,6 *922,7*
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	103,6	103,7	103,8
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	84,6	84,9	85,0
6	Tỷ lệ trả cổ tức/vốn điều lệ	%	≥ 8,5% (Tối thiểu là 8,5%)	8,5%	≥ 8,5% (Tối thiểu là 8,5%)

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022 *(Chi tiết kèm theo).*

Điều 4: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 *(Chi tiết kèm theo).*

Điều 5: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 cụ thể như sau:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 85.592.354.300 đồng

(Trong đó: - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020: 729.997.201 đồng

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021: 84.862.357.099 đồng)

- Trích Quỹ Đầu tư phát triển: 4.279.617.715 đồng
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 17.936.837.585 đồng
- Trích Quỹ thưởng người quản lý Công ty: 300.000.000 đồng
- Chia cổ tức 8,5%/vốn điều lệ: 63.075.899.000 đồng (tương ứng 850 đồng/01 cổ phần)

Điều 6: Thông qua mức chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và như sau:

(1). Quyết toán tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2021 là: 679.272.000 đồng.

(2). Kế hoạch tổng mức chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2022 là: 679.272.000 đồng.

Điều 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng như sau:

(1). Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán theo Quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022.

(2). Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quy trình lựa chọn 01 trong các Công ty kiểm toán theo Quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính là đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

Điều 8: Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi và bổ sung lần thứ 3 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng *(Chi tiết kèm theo).*

Điều 9: Thông qua quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng *(Chi tiết kèm theo)*.

Điều 10: Thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng *(Chi tiết kèm theo)*.

Điều 11: Thông qua quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng *(Chi tiết kèm theo)*.

Điều 12: Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Điều 13: Tổ chức thực hiện:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 nhất trí thông qua.

Nơi nhận:
- HĐQT, BĐH, BKS;
- Các Cổ đông;
- Lưu: Văn thư, Ban thư ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Chủ tịch HĐQT
Trần Việt Cường